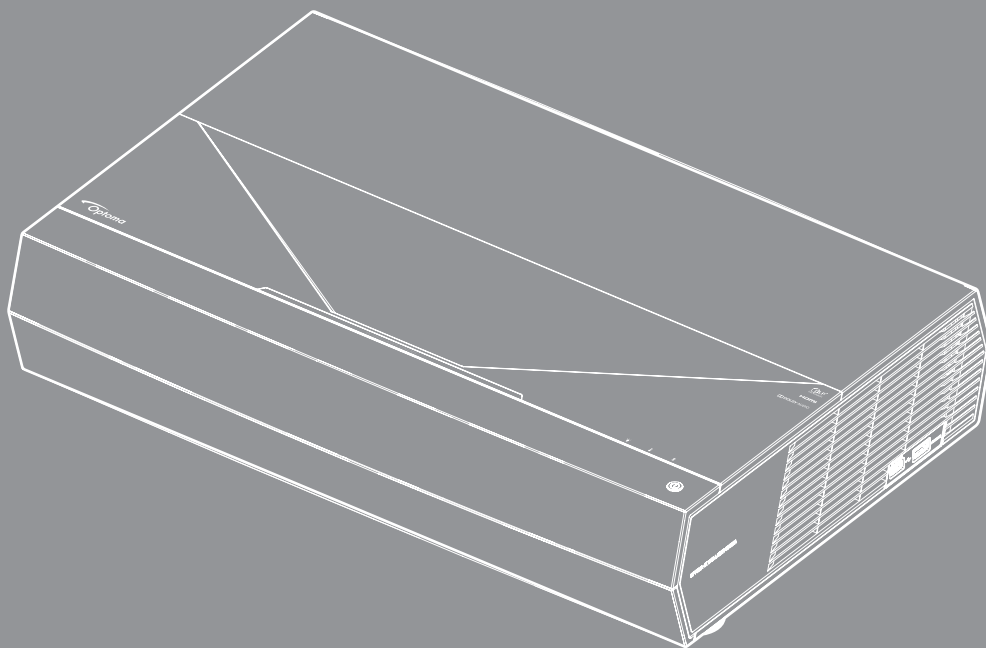




Máy chiếu DLP®



Sổ hướng
dẫn sử dụng

 DOLBY AUDIO

 4K ULTRA HD™

 HDMI™
HIGH-DEFINITION MULTIMEDIA INTERFACE

 DLP™
TEXAS INSTRUMENTS

 4K
UHD

 HDR
COMPATIBLE



MỤC LỤC

AN TOÀN	4
<i>Hướng dẫn an toàn quan trọng</i>	<i>4</i>
<i>Lau ống kính.....</i>	<i>5</i>
<i>Thông tin an toàn về laser.....</i>	<i>5</i>
<i>Thông tin an toàn 3D.....</i>	<i>6</i>
<i>Bản quyền</i>	<i>7</i>
<i>Khước từ trách nhiệm.....</i>	<i>7</i>
<i>Nhận biết thương hiệu.....</i>	<i>7</i>
<i>FCC.....</i>	<i>7</i>
<i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....</i>	<i>8</i>
<i>WEEE.....</i>	<i>8</i>
GIỚI THIỆU.....	9
<i>Tổng quan về gói sản phẩm.....</i>	<i>9</i>
<i>Phụ kiện chuẩn.....</i>	<i>9</i>
<i>Tổng quan về Sản phẩm</i>	<i>10</i>
<i>Kết nối</i>	<i>11</i>
<i>Bàn phím và đèn báo LED</i>	<i>11</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>12</i>
<i>Ghép nối điều khiển từ xa Bluetooth với máy chiếu.....</i>	<i>13</i>
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT	14
<i>Lắp đặt máy chiếu.....</i>	<i>14</i>
<i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....</i>	<i>15</i>
<i>Chỉnh hình chiếu.....</i>	<i>16</i>
<i>Thiết lập điều khiển từ xa</i>	<i>17</i>
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU	18
<i>Bật/tắt nguồn máy chiếu.....</i>	<i>18</i>
<i>Sử dụng máy chiếu làm loa không dây</i>	<i>22</i>
<i>Tổng quan về màn hình chính.....</i>	<i>23</i>
<i>Ngày giờ hệ thống.....</i>	<i>23</i>
<i>Menu cài đặt máy chiếu (OSD)</i>	<i>24</i>
<i>Menu cài đặt hệ thống.....</i>	<i>35</i>
<i>Chọn nguồn tín hiệu đầu vào</i>	<i>45</i>
<i>Chọn ứng dụng.....</i>	<i>47</i>
<i>Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ.....</i>	<i>48</i>
<i>Xem thanh trạng thái.....</i>	<i>53</i>
<i>Giới thiệu về menu Bật nhanh.....</i>	<i>53</i>

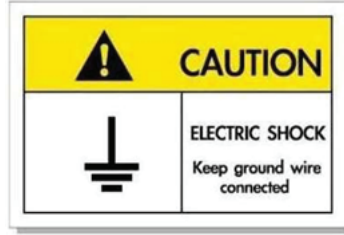
THÔNG TIN BỔ SUNG 54

<i>Độ phân giải tương thích</i>	<i>54</i>
<i>Cỡ hình và khoảng cách chiếu</i>	<i>55</i>
<i>Điều khiển từ xa</i>	<i>56</i>
<i>Khắc phục sự cố.....</i>	<i>59</i>
<i>Thông báo sáng đèn LED.....</i>	<i>61</i>
<i>Thông số kỹ thuật.....</i>	<i>63</i>
<i>Văn phòng toàn cầu của Optoma.....</i>	<i>64</i>

AN TOÀN

	Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người.
	Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị.

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

Hướng dẫn an toàn quan trọng



- Không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng, RG2.
Giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ phòng xung quanh phải nằm trong phạm vi 5°C~ 40°C (41°F ~ 104°F)
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.

- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng có thể làm nóng chảy vật dụng, gây bỏng hoặc phát hỏa.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng phù hợp.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn thương.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỎNG các thiết bị.

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.
- Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.
- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.

Cảnh báo

- Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.
- Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.
- Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.

Thông tin an toàn về laser

- Sản phẩm này được phân loại là Nhóm 2 của Tiêu chuẩn IEC 60825-1: 2007 và cũng tuân thủ tiêu chuẩn 21 CFR 1040.10 và 1040.11 ngoại trừ các sai lệch theo Thông báo Laser số 50, ngày 24 tháng 6 năm 2007.
- IEC 60825-1:2014: SẢN PHẨM LASER NHÓM 1 - NHÓM NGUY CƠ 2; giống như mọi nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Nhấn chú thích hiển thị mọi thông tin về công suất laser:



- Máy chiếu này có tích hợp môđun laser Loại 4. Tháo rời hay sửa đổi là rất nguy hiểm và bạn không được thử thực hiện các thao tác này.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Hướng dẫn đầy đủ về cách lắp ráp, vận hành và bảo dưỡng, bao gồm các cảnh báo rõ ràng liên quan đến các biện pháp phòng ngừa để tránh phơi nhiễm tia laser và bức xạ gián tiếp vượt quá giới hạn phát thải cho phép trong Nhóm 2.

Thông tin an toàn 3D

Hãy tuân thủ mọi cảnh báo và cách phòng ngừa như khuyến nghị trước khi bạn hoặc con mình sử dụng chức năng 3D.

Cảnh báo

Trẻ em và thanh thiếu niên có thể dễ gặp các vấn đề sức khỏe liên quan đến việc xem 3D hơn và cần được giám sát chặt khi xem các hình ảnh này.

Cảnh báo về Co giật Do Nhảy cảm với Ánh sáng và Các Nguy cơ Sức khỏe Khác

- Một số người xem có thể bị co giật động kinh hay đột quỵ khi tiếp xúc với một số hình ảnh hay ánh sáng nhấp nháy có trong một số hình ảnh từ Máy chiếu hoặc trò chơi điện tử. Nếu bạn bị như vậy hoặc có tiền sử gia đình về động kinh hay đột quỵ, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia y tế trước khi sử dụng chức năng 3D.
- Thậm chí những người không có tiền sử cá nhân hay gia đình về động kinh hay đột quỵ cũng có thể có tình trạng chưa được chẩn đoán có thể gây ra co giật động kinh do nhạy cảm với ánh sáng.
- Phụ nữ có thai, người già, người mắc các bệnh trạng nghiêm trọng, người ngủ do hoặc chịu ảnh hưởng của rượu cần tránh sử dụng chức năng 3D của thiết bị.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hãy ngừng xem ảnh 3D ngay lập tức và tham khảo ý kiến chuyên gia y tế: (1) thay đổi thị lực; (2) váng đầu; (3) chóng mặt; (4) cử động không chủ ý như mắt hoặc cơ bị giật; (5) lẫn lộn; (6) buồn nôn; (7) mất nhận thức; (8) co giật; (9) chuột rút; và/ hoặc (10) mất phương hướng. Trẻ em và thanh thiếu niên có nhiều khả năng bị những triệu chứng này hơn người lớn. Cha mẹ cần theo dõi con em mình và hỏi trẻ có bị những triệu chứng này không.
- Việc xem hình chiếu 3D cũng có thể gây ra tình trạng bệnh do chuyển động, tác động cảm giác sau đó, mất phương hướng, căng mắt và giảm ổn định về tư thế. Người dùng cần thường xuyên nghỉ giải lao để giảm khả năng xảy ra các tác động này. Nếu mắt bạn có dấu hiệu mệt mỏi hoặc kho, hay nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào nêu trên, hãy dừng sử dụng thiết bị này ngay lập tức và không dùng lại trong ít nhất ba mươi phút sau khi các triệu chứng đã giảm bớt.

- Việc xem hình chiếu 3D khi ngồi quá gần với màn hình trong thời gian kéo dài có thể làm hỏng thị lực của bạn. Khoảng cách xem lý tưởng tối thiểu bằng ba lần chiều cao màn hình. Tầm mắt của người xem cần ngang bằng với màn hình.
- Việc xem hình chiếu 3D trong khi đeo kính 3D trong thời gian kéo dài có thể gây đau đầu hay mệt mỏi. Nếu bạn bị đau đầu, mệt mỏi hoặc chóng mặt, hãy dừng xem hình chiếu 3D và nghỉ ngơi.
- Không sử dụng kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc xem hình chiếu 3D.
- Việc đeo kính 3D cho bất kỳ mục đích nào khác (như kính mắt nói chung, kính râm, kính bảo hộ, v.v.) có thể có hại cho thể chất của bạn và làm yếu thị lực.
- Việc xem hình chiếu 3D có thể gây mất phương hướng cho một số người xem. Do đó, **KHÔNG ĐỂ MÁY CHIẾU 3D gần khu vực cầu thang mở, dây cáp, ban công hay các vật thể khác có thể bị vấp phải, mắc vào, húc ngã, vỡ hay rơi.**

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2019

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.



Sản xuất dưới sự cho phép của Dolby Laboratories.

Dolby, Dolby Audio và biểu tượng 2 chữ D là các thương hiệu của Dolby Laboratories.

Amazon, Alexa và mọi logo liên quan là thương hiệu của Amazon.com, Inc. hoặc các chi nhánh của Amazon.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiếu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cấp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EC (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EC về điện thế thấp
- Chỉ thị 1999/5/EC về R & TTE (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không bỏ thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

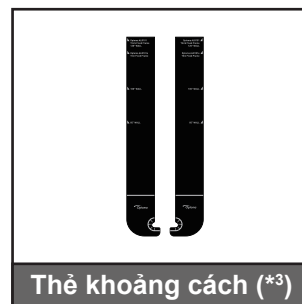
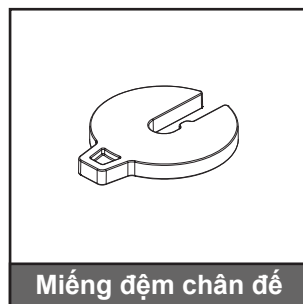
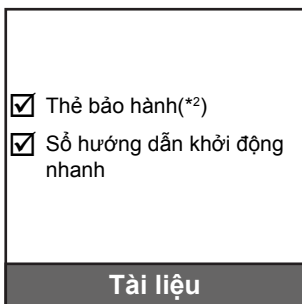
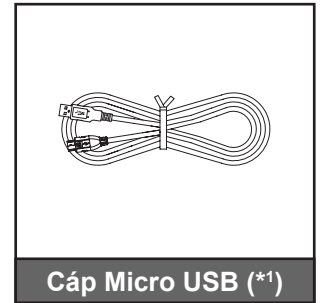
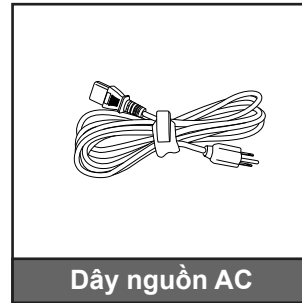
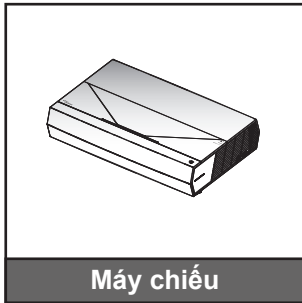
GIỚI THIỆU

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn



Lưu ý:

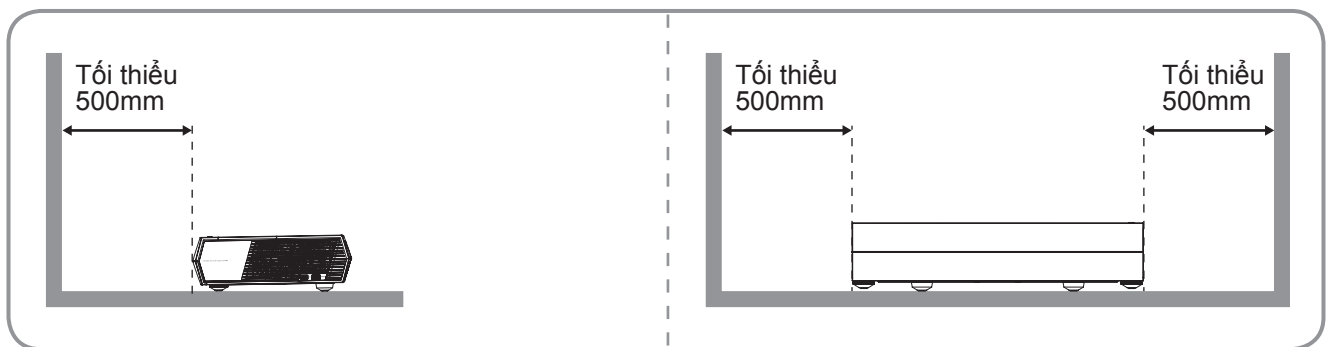
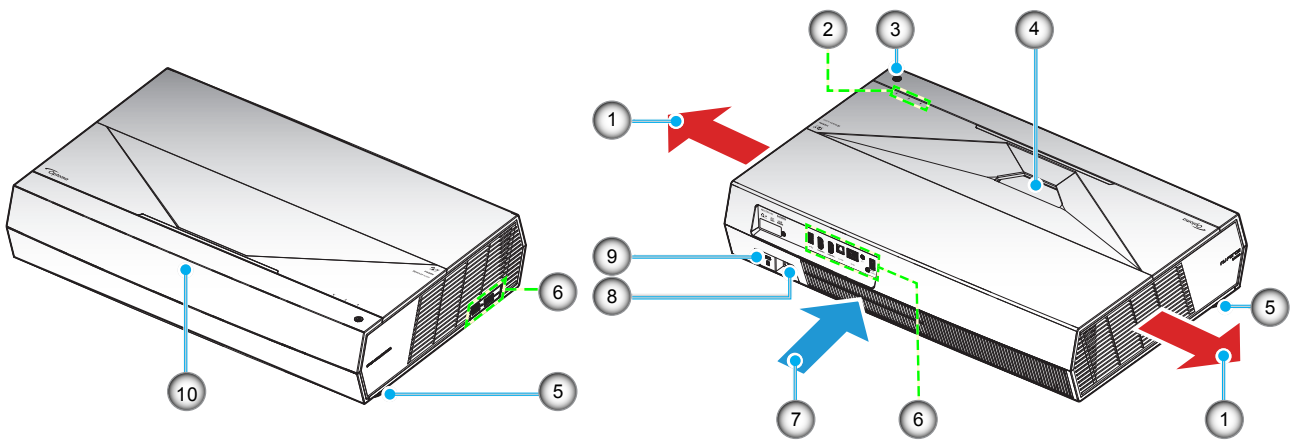
- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- (*1) Để sạc pin cho điều khiển từ xa.
- (*2) Để có thông tin bảo hành cho khu vực châu Âu, hãy truy cập www.optoma.com.
- (*3) Sử dụng các thẻ khoảng cách kèm theo để xác định khoảng cách phù hợp của máy chiếu so với bề mặt chiếu. Để biết thêm chi tiết, hãy xem Hướng dẫn lắp đặt SmartFIT.



Hãy quét mã QR hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>

GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



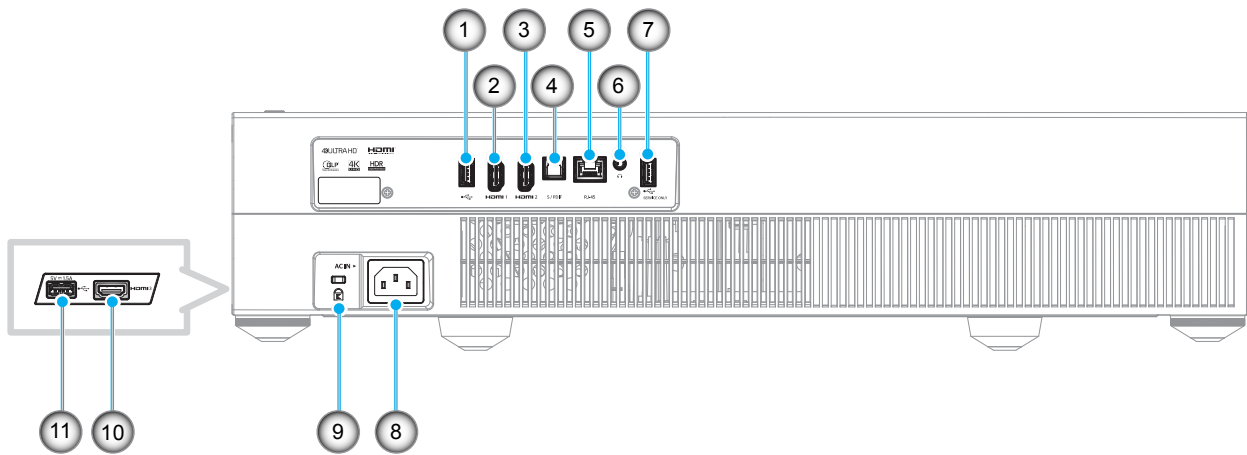
Lưu ý:

- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 50cm (19 inch) quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

Không	Mục	Không	Mục
1.	Thông khí (cửa thoát)	6.	Đầu vào/Đầu ra
2.	Đèn báo LED	7.	Thông khí (cửa nạp)
3.	Nút nguồn	8.	Ổ cắm điện
4.	Thấu kính	9.	Cổng khóa Kensington™
5.	Chân chỉnh độ nghiêng	10.	Bộ thu hồng ngoại

GIỚI THIỆU

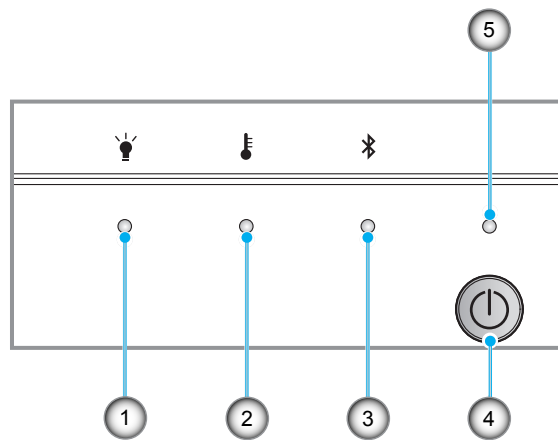
Kết nối



Không	Mục	Không	Mục
1.	Cổng USB 2.0/Trình phát đa phương tiện USB	7.	Cổng USB2.0 (Chỉ để bảo hành)
2.	Cổng HDMI 1 (HDMI v2.0 (ARC))	8.	Ổ cắm điện
3.	Cổng HDMI 2 (HDMI v2.0)	9.	Cổng khóa Kensington™
4.	Cổng S/PDIF (Đầu ra kỹ thuật số)	10.	Cổng HDMI 3 (HDMI v2.0)
5.	Cổng RJ-45	11.	Cổng USB2.0 (Nguồn điện 5V---1,5A)(*)
6.	Cổng ra âm thanh		

Lưu ý: (*) Không nên sạc điện thoại di động.

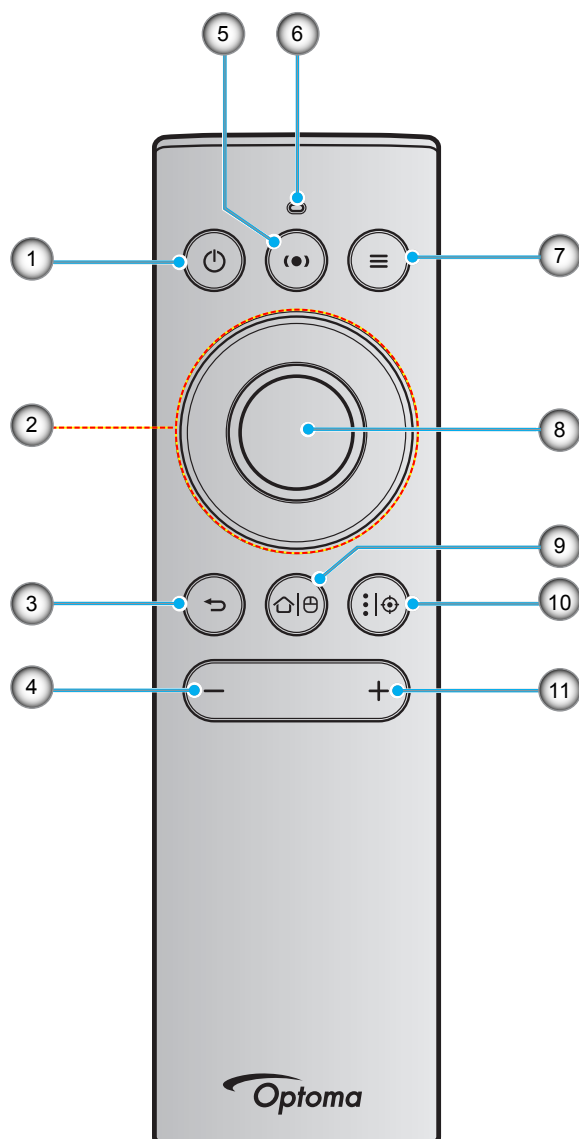
Bàn phím và đèn báo LED



Không	Mục	Không	Mục
1.	Đèn LED bóng đèn	4.	Nút nguồn
2.	Đèn LED nhiệt độ	5.	Đèn LED NGUỒN
3.	Đèn LED Bluetooth		

GIỚI THIỆU

Điều khiển từ xa






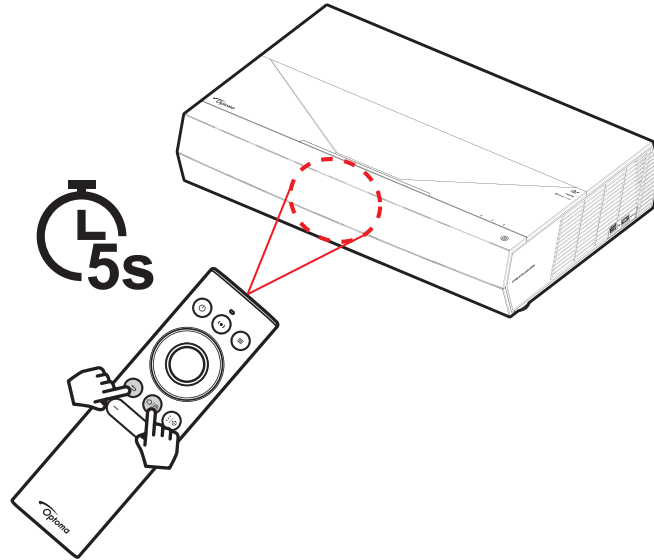
Không	Mục	Không	Mục
1.	Bật nguồn/Chế độ chờ	3.	Trở về
2.	Bốn nút chọn điều hướng: Trên Trái Phải Dưới	4.	Âm lượng -
		5.	Chế độ loa đang bật
		6.	Chỉ báo LED
		7.	Menu máy chiếu/Menu bật nhanh
		8.	OK
		9.	Màn hình chính/Bật và tắt chuột không dây
		10.	Cài đặt ứng dụng Android/Lấy nét
		11.	Âm lượng +

Lưu ý: Điều khiển từ xa hỗ trợ cả truyền tin bằng hồng ngoại (IR) và Bluetooth. Nó cũng có thể hoạt động như chuột không dây.

GIỚI THIỆU

Ghép nối điều khiển từ xa Bluetooth với máy chiếu

Nhấn giữ nút “|” và “” cùng lúc trong 5 giây. Thiết bị ở chế độ ghép nối nếu đèn LED trạng thái trên điều khiển từ xa Bluetooth nhấp nháy màu xanh lam.



Quá trình ghép nối sẽ mất khoảng 20 giây. Nếu ghép nối thành công, đèn LED trạng thái trên điều khiển từ xa Bluetooth sẽ chuyển sang một màu xanh lam khi nhấn nút bất kỳ. Nếu không, đèn LED trạng thái trên điều khiển từ xa Bluetooth sẽ chuyển sang màu lục khi nhận phím bất kỳ.

Nếu điều khiển từ xa Bluetooth không hoạt động trong 10 phút, nó sẽ tự động chuyển sang chế độ Ngủ và Bluetooth bị ngắt kết nối.

Lưu ý:

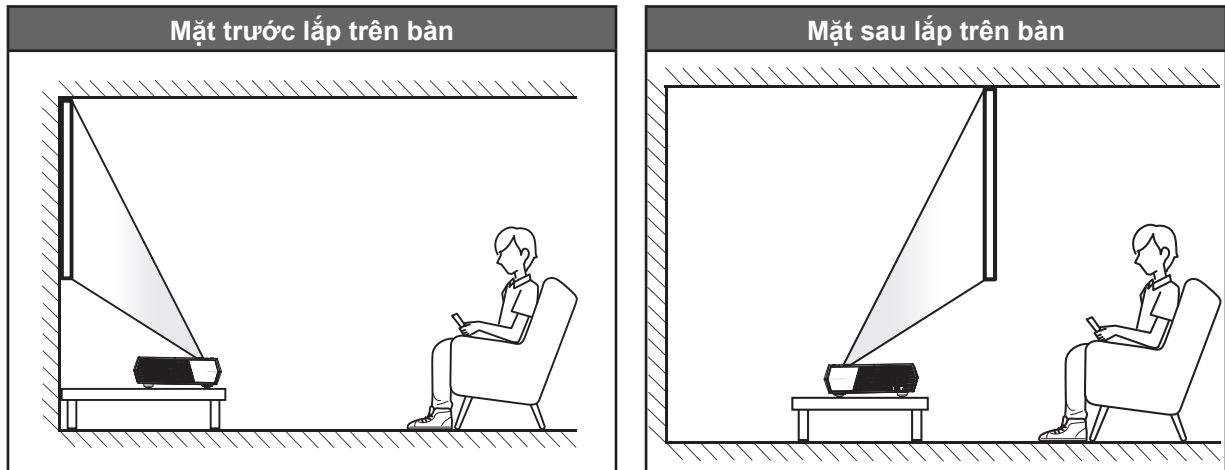
- Điều khiển từ xa thực tế có thể khác nhau tùy theo từng khu vực.
- Một số nút có thể không hoạt động đối với các mẫu máy chiếu không hỗ trợ các tính năng này.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong hai vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



- Để biết cách xác định địa điểm lắp máy chiếu theo kích thước màn hình có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 55.
- Để biết cách xác định kích thước màn hình theo khoảng cách có sẵn, hãy tham khảo bảng khoảng cách ở trang 55.

Lưu ý:

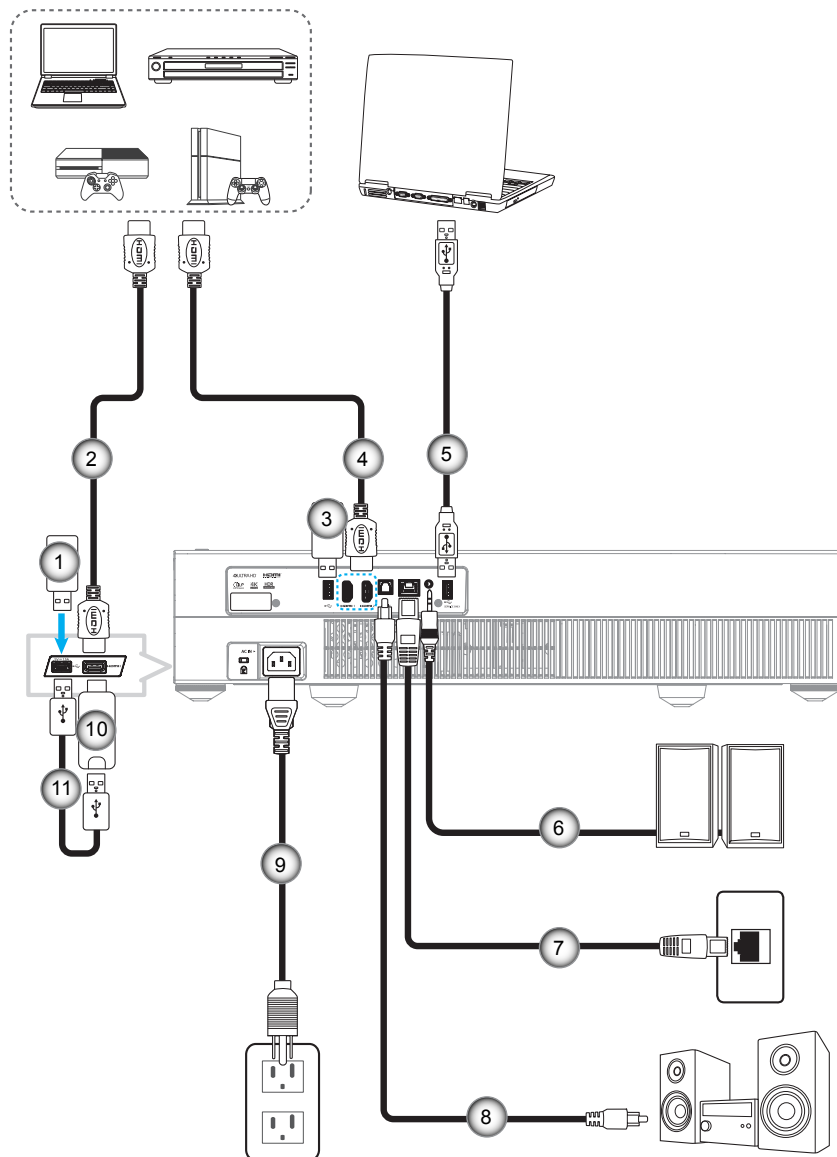
- Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.
- Độ lệch dọc có thể khác nhau giữa các máy chiếu, do những hạn chế từ quy trình sản xuất quang học. Các điều chỉnh bổ sung có thể xảy ra khi chuyển đổi máy chiếu.

QUAN TRỌNG!

Không dùng máy chiếu theo bất kỳ hướng nào khác thay vì đặt trên mặt bàn. Nên đặt máy chiếu nằm ngang và không được đặt nghiêng về phía trước/sau hoặc sang trái/phải. Đặt theo bất kỳ hướng nào khác sẽ vô hiệu hóa dịch vụ bảo hành và có thể làm giảm tuổi thọ của chính máy chiếu. Để được tư vấn cách lắp đặt không quy chuẩn, xin liên hệ với Optoma.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



Không	Mục	Không	Mục	Không	Mục
1.	Ổ đĩa USB flash	5.	Cáp USB (Chỉ dùng để bảo trì/Nâng cấp firmware DDP)	9.	Dây nguồn
2.	Cáp HDMI	6.	Cáp đầu ra âm thanh	10.	Thiết bị phát tín hiệu HDMI
3.	Ổ đĩa USB flash	7.	Cáp RJ-45 (dùng cho Internet)	11.	Cáp nguồn USB
4.	Cáp HDMI	8.	Cáp đầu ra S/PDIF		

Lưu ý: Bạn có thể cắm chuột hoặc bàn phím USB vào cổng USB.

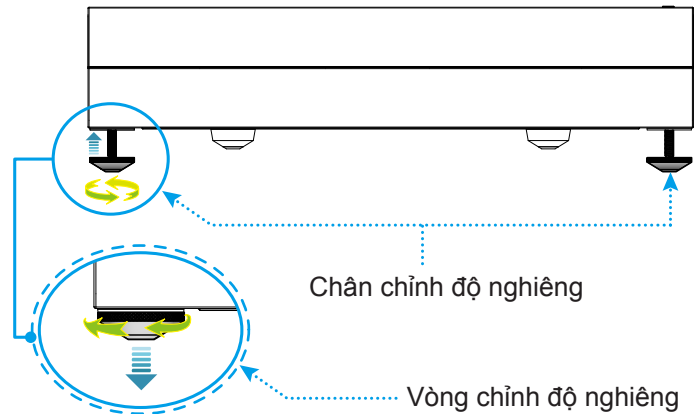
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Chỉnh hình chiếu

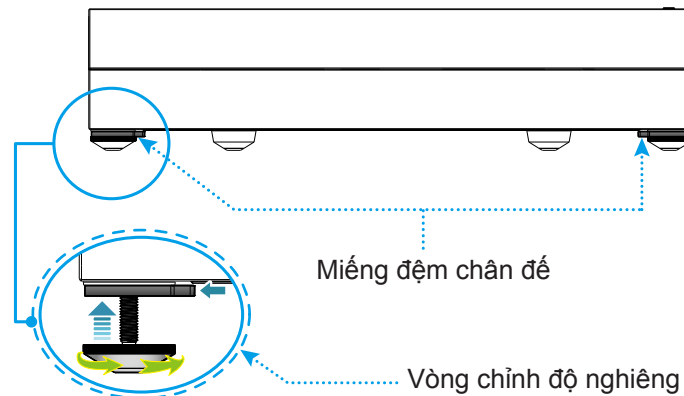
Chiều cao hình

Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



Lưu ý: Nếu bạn muốn canh bằng phẳng máy chiếu, vận chân để tùy chỉnh và gắn miếng đệm chân đế vào cả hai chân đế. Sau đó siết chặt bàn chân.

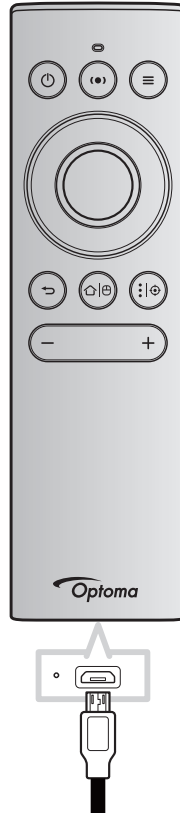


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Sạc điều khiển từ xa

Để sạc điều khiển từ xa, hãy cắm đầu này của cáp micro USB vào cổng USB ở phía dưới điều khiển từ xa và đầu còn lại vào cổng USB của thiết bị hỗ trợ sạc. Ví dụ: cắm vào cổng USB 2.0 ở bên cạnh máy chiếu.



CHÚ Ý:

Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

- Tránh tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng.
- Không đặt điều khiển từ xa gần môi trường ẩm ướt hoặc nhiệt.
- Không làm rơi điều khiển từ xa.

Lưu ý:

- Chúng tôi khuyên bạn không nên sử dụng điều khiển từ xa trong khi đang sạc.
- Điều khiển từ xa sẽ tự động vào chế độ ngủ sau 10 phút không hoạt động.
- Để khởi động lại điều khiển từ xa, nhấn vào bất kỳ nút nào trên điều khiển. Nhấn nút chỉ khởi động lại điều khiển từ xa nhưng không thực hiện chức năng liên quan. Để thực hiện chức năng liên quan, hãy nhấn nút đó thêm lần nữa.

Về chuột không dây

- Để bật hoặc tắt chuột không dây, nhấn và giữ “**Trên**”.

Lưu ý: Chức năng chuột không dây được tắt tự động khi điều khiển từ xa ở chế độ ngủ hoặc khi bạn nhấn nút “**Trên**”, “**Dưới**”, “**Trái**” hoặc “**Phải**”.

- Sạc điều khiển từ xa khi nguồn pin giảm xuống dưới 20% và đèn LED bắt đầu nhấp nháy màu đỏ.
- Trong khi sạc, đèn LED sẽ sáng một màu đỏ. Khi sạc xong, đèn LED sẽ sáng một màu xanh lục.

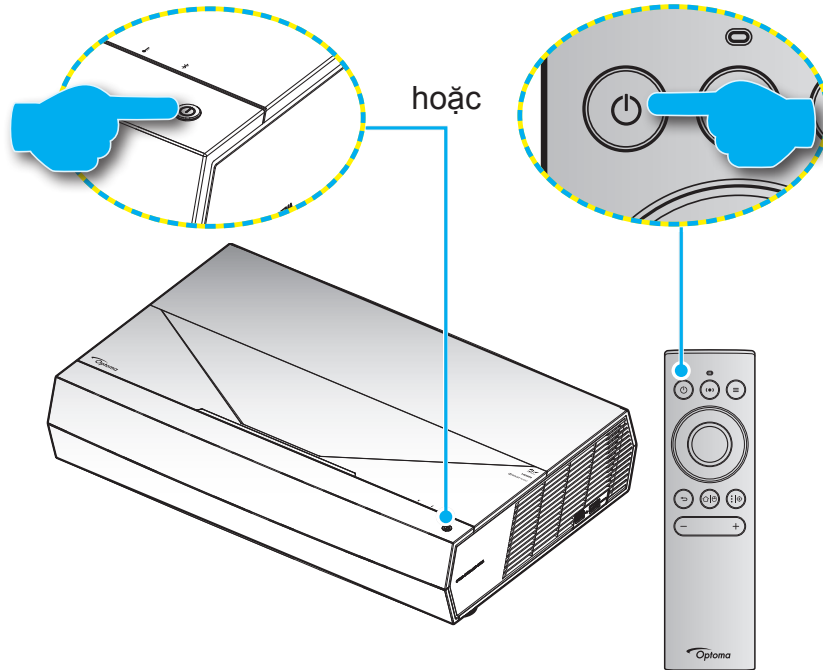
Lưu ý: Pin được sạc đầy trong khoảng 1,5 giờ. Dung lượng pin là 250mAh (0,925Wh).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu

Bật nguồn

1. Cắm đầu này của dây nguồn AC vào ổ cắm điện trên máy chiếu và đầu còn lại vào ổ cắm điện trên tường. Khi đã cắm, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn “(I)” ở phía trên máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.



Trong quá trình khởi động, đèn LED nguồn nhấp nháy màu trắng, và trong khi hoạt động bình thường, đèn LED nguồn sáng một màu trắng.

Lưu ý: Nếu Chế độ nguồn (Chế độ chờ) được cài sang “Eco”, máy chiếu sẽ được bật nguồn bằng tín hiệu hồng ngoại từ điều khiển từ xa. Nếu Chế độ nguồn (Chế độ chờ) được cài sang “Smart Home (Ngôi nhà thông minh)”, máy chiếu sẽ được bật nguồn bằng tín hiệu Bluetooth từ điều khiển từ xa.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

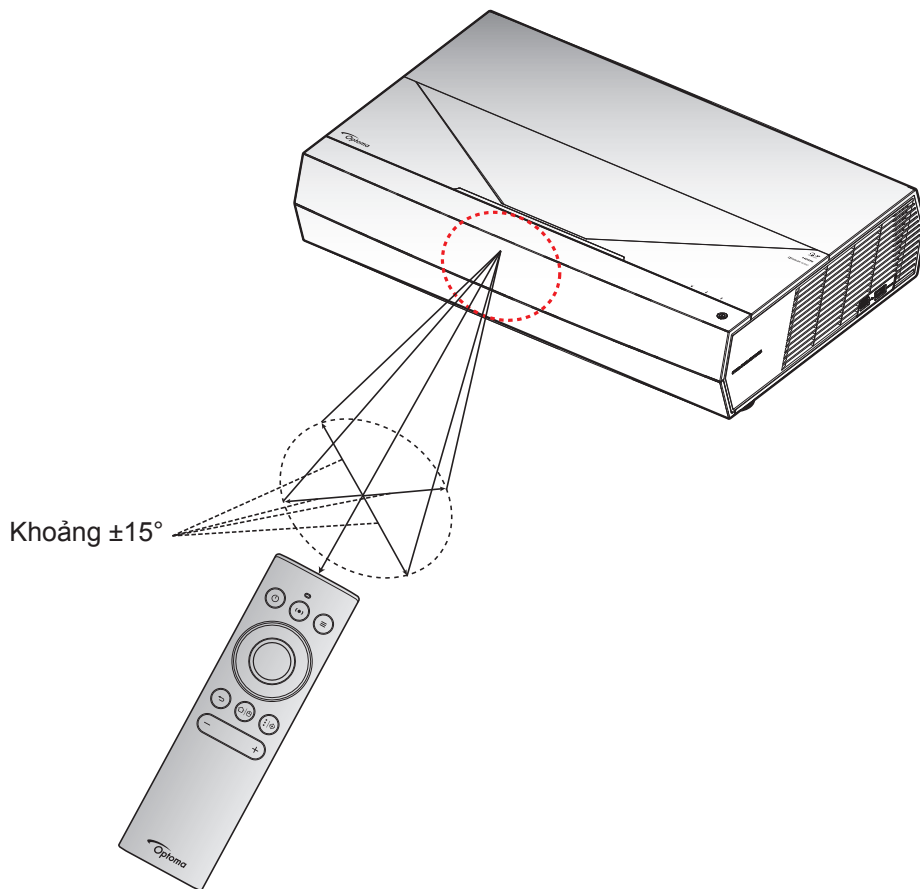
Phạm vi hoạt động

Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc $\pm 15^\circ$ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa IR trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa hơn 7 mét (khoảng 22 foot).

Bạn cũng có thể sử dụng điều khiển từ xa bằng cách chia nó vào hình chiếu.

Lưu ý: Khi trở điều khiển từ xa trực tiếp (một góc 0 độ) vào cảm biến IR, khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không dài hơn 10 mét (khoảng 32 foot).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Để ghép nối Bluetooth, sau khi bật nguồn máy chiếu, đảm bảo hướng điều khiển từ xa vào vùng được đánh dấu bằng vòng tròn đỏ trên hình ảnh bên dưới.
- Nếu standby Chế độ nguồn chờ được cài sang "Tiết kiệm", sau khi bật nguồn máy chiếu, đảm bảo nhắm điều khiển từ xa thẳng vào bộ thu IR.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

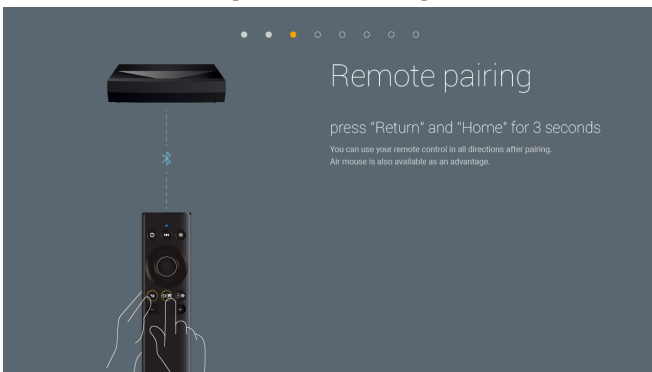
Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc thực hiện thiết lập ban đầu bao gồm việc chọn hướng chiếu, ngôn ngữ ưu tiên, định cấu hình cài đặt mạng và nhiều tùy chọn khác. Một khi màn hình **Setup Complete! (Đã thiết lập xong)** hiển thị, điều này cho biết máy chiếu đã sẵn sàng sử dụng.



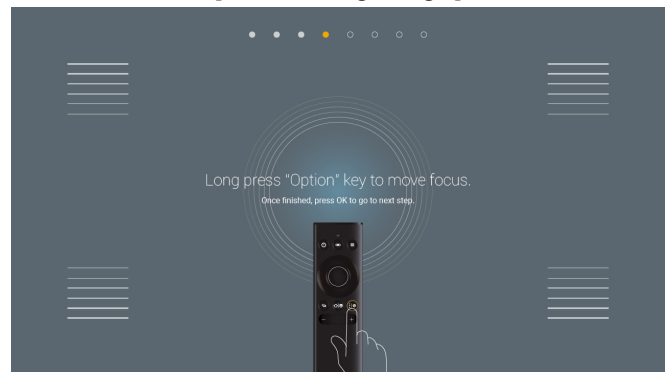
[Màn hình chiếu]



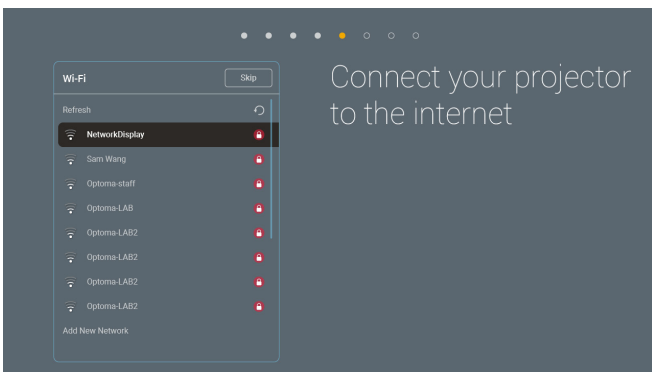
[Màn hình ngôn ngữ]



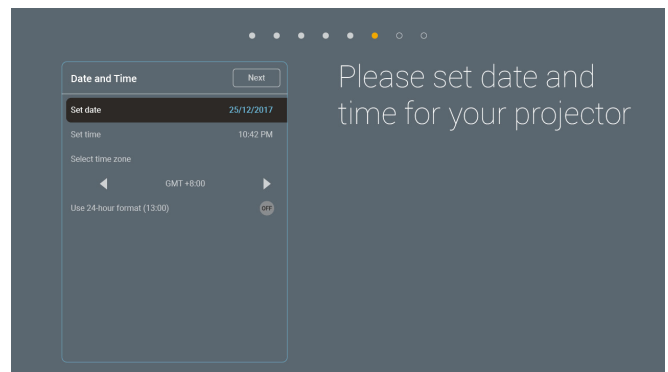
[Màn hình ghép nối từ xa]



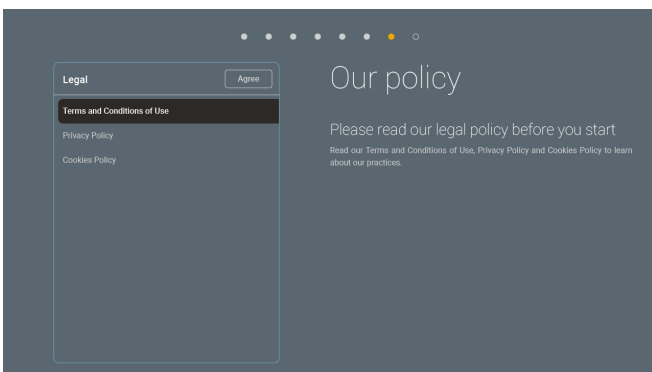
[Màn hình ghép nối từ xa (tiếp theo)]



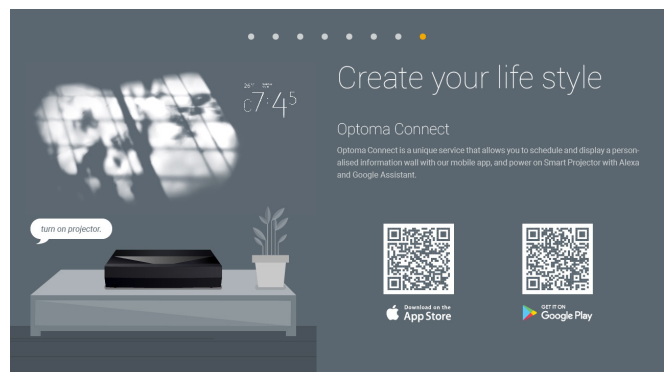
[Màn hình mạng]



[Màn hình ngày giờ]



[Màn hình quy định]

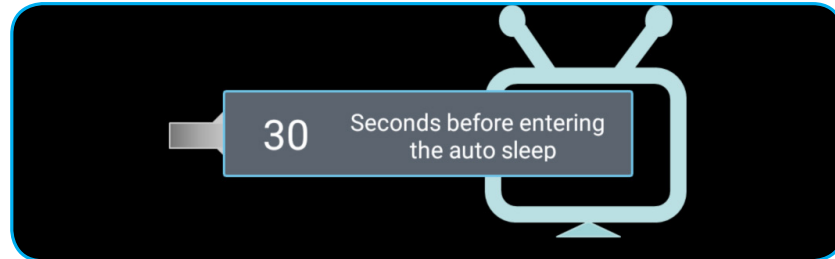


[Màn hình Kết nối Optoma]

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút “⏻” ở phía trên máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:



2. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động khoảng 10 giây theo chu kỳ làm nguội và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu trắng. Khi đèn LED nguồn chuyển sang màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút “⏻” ở phía trên máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để bật máy chiếu.
3. Ngắt dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

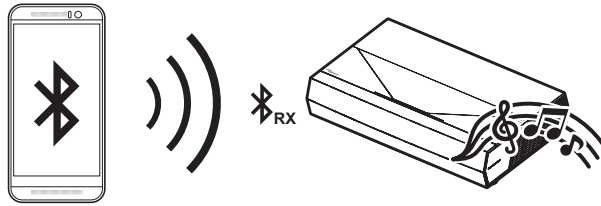
Lưu ý:

- *Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.*
- *Theo mặc định, máy chiếu tự động tắt sau 20 phút không hoạt động. Bạn có thể sửa đổi thời lượng chờ trên menu “Auto Power off (min.) (Tự tắt nguồn (phút))” trong “Cài đặt System (Hệ thống) → Power (Nguồn)”. Ngoài ra, nếu bạn muốn máy chiếu vào chế độ ngủ, hãy tắt tính năng tự tắt nguồn và cài thời gian ngủ trong “Cài đặt System (Hệ thống) → Power (Nguồn) → Sleep Timer (Hẹn giờ tắt máy) (phút)”.*
- *Để tắt ngay máy chiếu, hãy nhấn nút “⏻” hai lần ở phía trên máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.*

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sử dụng máy chiếu làm loa không dây

Với môđun Bluetooth tích hợp, bạn có thể nghe nhạc không dây từ điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị hỗ trợ Bluetooth khác.



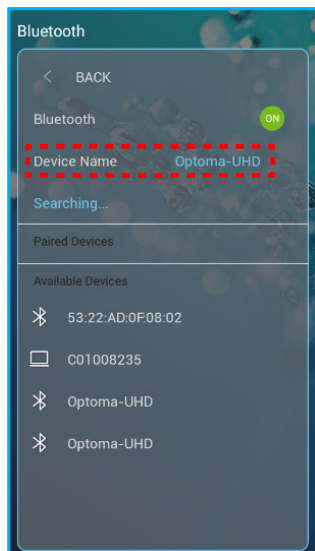
Lưu ý: Máy chiếu và thiết bị Bluetooth chỉ cần được ghép nối một lần. Sau khi ghép nối, máy chiếu sẽ tự động kết nối thiết bị Bluetooth theo mỗi chu kỳ bật nguồn. Nếu thiết bị Bluetooth không được bật nguồn, máy chiếu sẽ không kết nối thiết bị.

Ghép nối thiết bị Bluetooth với máy chiếu

1. Cài chế độ nguồn chờ của máy chiếu sang “Smart Home (Ngôi nhà thông minh)” trong “Menu System (Hệ thống) Cài đặt → Power (Nguồn) → Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (chế độ chờ))”.
2. Nhấn nhanh nút “**(●)**” trên điều khiển từ xa để chuyển máy chiếu vào chế độ loa.



3. Trong khi ghép nối thiết bị Bluetooth của bạn với máy chiếu, đèn LED Bluetooth trên máy chiếu sẽ nhấp nháy màu trắng.
4. Trên thiết bị Bluetooth của bạn, chạm **Settings (Cài đặt)** và bật chức năng Bluetooth. Sau đó dò tìm máy chiếu.



5. Chạm vào tên máy chiếu và bắt đầu ghép nối.
6. Sau khi ghép nối thành công, máy chiếu sẽ sáng một màu trắng.
7. Trên thiết bị Bluetooth, hãy duyệt và chọn bài hát để phát. Bạn có thể sử dụng nút “**—**” và “**+**” trên điều khiển từ xa để chỉnh mức âm lượng.

Lưu ý:



- Máy chiếu có thể lưu trữ thông tin ghép nối đến 10 thiết bị. Tuy nhiên, mỗi lần chỉ có thể ghép nối một thiết bị Bluetooth
- Đảm bảo khoảng cách giữa thiết bị Bluetooth và máy chiếu không quá 10 mét.

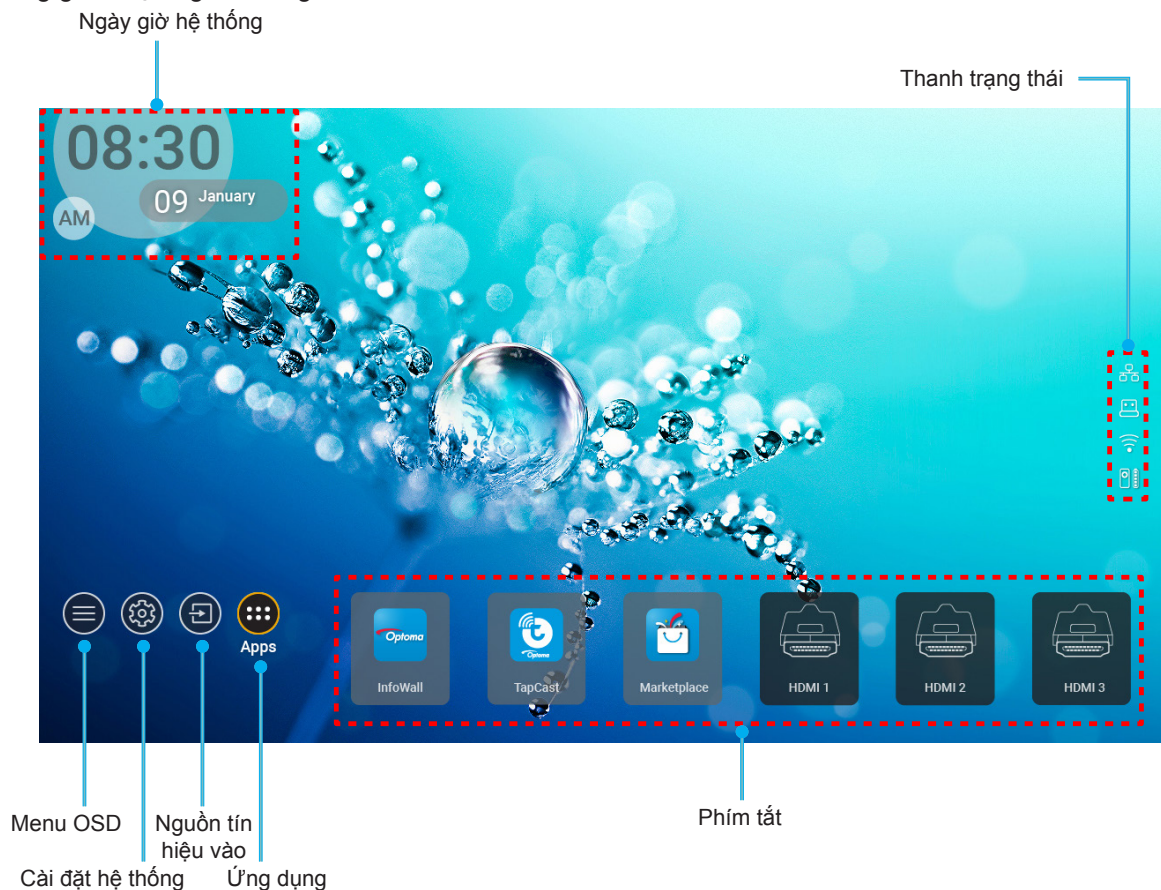
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tổng quan về màn hình chính

Màn hình chính sẽ hiển thị mỗi khi bạn bật máy chiếu. Nó chứa ngày giờ hệ thống, trạng thái hệ thống, biểu tượng truy cập menu OSD, menu cài đặt máy chiếu, ứng dụng, nguồn đầu vào và nhiều tùy chọn khác.

Để điều hướng màn hình chính, chỉ cần sử dụng các nút trên điều khiển từ xa.

Bạn có thể trở về màn hình chính bất cứ lúc nào bằng cách nhấn “|” trên điều khiển từ xa, bất kể bạn đang ở vị trí nào trong giao diện người dùng.



Lưu ý: Menu hoặc mục vừa chọn được tô sáng bằng màu cam, ví dụ: “Ứng dụng” trên hình ảnh ở trên.

Ngày giờ hệ thống

Ngày giờ sẽ hiển thị trên màn hình chính nếu máy chiếu được kết nối mạng. Cài đặt mặc định là 10 giờ sáng, ngày 01/01/2019. Sáng/Tối sẽ chỉ hiển thị nếu định dạng 24 giờ đã tắt.

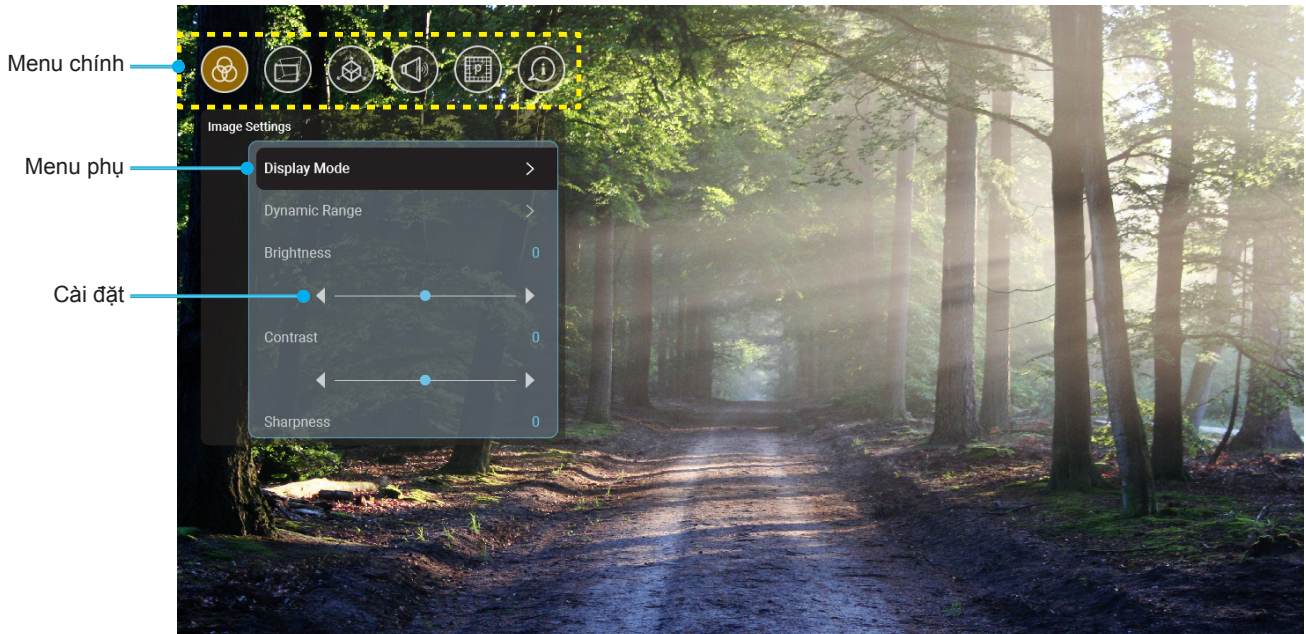
Để sửa đổi các thông số ngày giờ, chọn mục tương ứng trên màn hình. Trang cài đặt Ngày giờ sẽ tự động mở. Sau đó hãy thực hiện các sửa đổi.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt máy chiếu (OSD)

Nhấn “☰” trên điều khiển từ xa hoặc trên màn hình chính, chọn menu OSD “⊞” để xem lại thông tin máy chiếu hoặc quản lý nhiều cài đặt khác nhau liên quan đến hình ảnh, màn hình, 3D, âm thanh và thiết lập.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu OSD hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Khi thực hiện lựa chọn trên một trang riêng, hãy nhấn “OK” để vào menu phụ.
2. Nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn “OK” để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút “**Trên**” và “**Dưới**” để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút “OK” để bật hoặc tắt một cài đặt hoặc nhấn nút “**Trái**” và “**Phải**” để điều chỉnh một giá trị.
5. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
6. Để thoát, nhấn “↶” (nhiều lần nếu cần). Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD

Lưu ý: Menu OSD hiển thị cùng ngôn ngữ với hệ thống. Nếu cần, hãy đổi ngôn ngữ trong menu Cài đặt hệ thống.

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Display Mode (Chế độ hiển thị)			Cinema (Rạp chiếu)	
				HDR	
				HLG	
				HDR SIM.	
				Game (Trò chơi)	
				Reference (Tham khảo)	
				Bright (Sáng)	
				User (Người sử dụng)	
				3D	
				ISF Day (ISF ngày)	
				ISF Night (ISF đêm)	
				ISF HDR	
			ISF HLG		
			ISF 3D		
	Dynamic Range (Dải động)	HDR/HLG			Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
					Off (Tắt)
		HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)			Bright (Sáng)
					Standard (Tiêu chuẩn)
	Brightness (Độ sáng)				Film (Phim)
					Detail (Chi tiết)
					-50 ~ +50
					-50 ~ +50
					1 ~ 15
					-50 ~ +50
					-50 ~ +50
	Gamma	Film (Phim) Video Graphics (Đồ họa) Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2)) 1.8 2.0 2.4			
	Color Settings (Cài đặt màu sắc)	BrilliantColor™ Color Temperature (Mức độ màu)			1 ~ 10
				Warm (Ấm)	
				Standard (Tiêu chuẩn)	
				Cool (Nhiệt độ màu)	
				Cold (Lạnh)	



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
Image Settings (Điều chỉnh hình ảnh)	Color Settings (Cài đặt màu sắc)	Color Matching (Tinh chỉnh màu)	Color (Màu sắc)	R [Chế độ mặc định]
				G
				B
				C
				Y
				M
				W
			Hue (Màu sắc)	-50 ~ +50 [Chế độ mặc định:0]
		Saturation (Độ bão hòa)	-50 ~ +50 [Chế độ mặc định:0]	
		Gain (Tăng cường)	-50 ~ +50 [Chế độ mặc định:0]	
		Reset (Thiết lập lại)	Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)	
		Exit (Thoát)		
		RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB)	Red Gain (Tăng sắc đỏ)	-50 ~ +50
			Green Gain (Tăng sắc lục)	-50 ~ +50
	Blue Gain (Tăng sắc lam)		-50 ~ +50	
	Red Bias (Độ lệch sắc đỏ)		-50 ~ +50	
	Green Bias (Độ lệch sắc lục)		-50 ~ +50	
	Blue Bias (Độ lệch sắc lam)		-50 ~ +50	
	Reset (Thiết lập lại)		Cancel (Hủy) [Chế độ mặc định] Yes (Có)	
	Exit (Thoát)			
	Brightness Mode (Chế độ sáng)			DynamicBlack 1 (Mức đen động 1)
				DynamicBlack 2 (Mức đen động 2)
				DynamicBlack 3 (Mức đen động 3)
				Power (Nguồn) (Nguồn = 100%/ 95%/ 90%/ 85%/ 80%/ 75%/ 70%/ 65%/ 60%/ 55%/ 50%)
PureMotion				Off (Tắt)
				1
				2
Reset (Thiết lập lại)				3
			Cancel (Hủy) Reset (Thiết lập lại)	
Display (Hiển thị)	Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)	Warp Control (Điều khiển sợi dọc)		Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
				On (Bật)
		Warp Calibration (Hiệu chỉnh sợi dọc)		Nhấn " Trên " / " Dưới " / " Trái " / " Phải " để lấy nét điểm mong muốn và nhấn " OK " để chọn điểm đó. Sau đó nhấn " Trên " / " Dưới " / " Trái " / " Phải " để dịch chuyển vị trí điểm vừa chọn. [Chế độ mặc định: Trên-Trái].

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
Display (Hiển thị)	Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)	Move Increment (Tăng di chuyển)		0,5
				1
				4 [Chế độ mặc định]
				16
				32
				64
		Lựa chọn (Lựa chọn)	Warp Sharpness (Độ sắc sori dọc)	0~9 [Chế độ mặc định: 9]
			Warp Number (Số sori dọc)	2x2
				3x3 [Chế độ mặc định]
				5x5
				9x9
			Warp Inner (Phần lõi sori dọc)	Off (Tắt) [Chế độ mặc định] On (Bật)
			Cursor Color (Màu con trỏ)	Green (Lục) [Chế độ mặc định]
				Magenta (Đỏ thẫm)
				Red (Đỏ)
				Cyan (Xanh ngọc)
			Grid Color (Màu khung lưới)	Green (Lục) [Chế độ mặc định]
				Magenta (Đỏ thẫm)
	Red (Đỏ)			
	Cyan (Xanh ngọc)			
	Reset (Thiết lập lại)			
	Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)		4:3	
			16:9	
			Auto (Tự động)	
	EDID Reminder (Báo nhắc EDID)		On (Bật) [Chế độ mặc định]	
			Off (Tắt)	
	EDID HDMI 1		1.4	
			2.0 [Chế độ mặc định]	
	EDID HDMI 2		1.4	
			2.0 [Chế độ mặc định]	
	EDID HDMI 3		1.4	
			2.0 [Chế độ mặc định]	
Menu Settings (Tùy chỉnh menu)	Menu Location (Vị trí menu)	Trái trên [Chế độ mặc định]		
		Phải phía trên		
		Giữa		
		Trái dưới		
		Phải dưới		
	Menu Timer (Đồng hồ menu)	Off (Tắt)		
		5sec (5 Giây)		
		10sec (10 Giây)		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
3D	3D Tech. (Công nghệ 3D)			DLP-Link (Kết nối DLP) [Chế độ mặc định]
				3D-Sync (Đồng bộ 3D)
	3D Format (Định dạng 3D)			Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
				SBS (Bên cạnh)
				Top and Bottom (Trên và dưới)
				Frame Sequential (Khung tuần tự)
			Frame Packing (Gói khung)	
	3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)			On (Bật) Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
	Reset (Thiết lập lại)			Cancel (Hủy) Reset (Thiết lập lại)
	Audio (Âm thanh)	Internal Speaker (Tích hợp loa)		
				Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
Mute (Tắt tiếng)				On (Bật)
Volume (Âm lượng)				0 ~ 100 [Chế độ mặc định: 25]
Digital Output (Đầu ra KTS)				Bitstream
				PCM
Sound Effect (Hiệu ứng âm thanh)				Auto (Tự động) [Chế độ mặc định]
				Movie (Chế độ xem phim)
				Music (Nhạc)
				Sport (Thể thao)
		Game (Trò chơi)		
		Night (Ban đêm)		
Internal Speaker Delay (Độ trễ loa tích hợp) (mili giây)			-50 ~ +50 (tăng 10 mili giây) [Chế độ mặc định: 0]	
Digital Output Delay (Độ trễ đầu ra kỹ thuật số) (mili giây)			-50 ~ +50 (tăng 10 mili giây) [Chế độ mặc định: 0]	
Setup (Cài đặt)	Projection Mode (Chế độ chiếu)			Mặt trước  [Chế độ mặc định]
				Mặt sau 
	Test Pattern (Mẫu thử)			Green Grid (Khung lưới xanh)
				Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm)
				White Grid (Khung lưới trắng)
				White (Trắng)
				Yellow Border (Viên vàng)
	High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định]
			On (Bật)	
Focus (Lấy nét)			Nhấn “ Trái ” hoặc “ Phải ”	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị		
Information (Thông tin)	Display (Hiển thị)	Display Mode (Chế độ hiển thị)				
		Brightness Mode (Chế độ sáng)				
	Hardware (Phần cứng)	Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (chế độ chờ))				
		High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)		On (Bật)		
		Projection Hours (Giờ chiếu)		Off (Tắt)		
	Input Source (Nguồn tín hiệu vào)	Source (Nguồn)				
		Resolution (Độ phân giải)			00x00	
		Refresh Rate (Tỉ lệ làm mới)			0,00Hz	
		Color Depth (Độ sâu màu)				
		Color Format (Định dạng màu)				
	About (Giới thiệu)	Regulatory (Điều khiển)				
		Serial Number (Số Seri)				
		FW Version (Phiên bản FW)	System (Hệ thống)			
			MCU			
	DDP					

Lưu ý: Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từ mẫu máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Cài đặt hình

Display Mode (Chế độ hiển thị)

Có nhiều cài đặt sẵn được tối ưu hóa cho nhiều loại hình ảnh khác nhau.

- **Cinema (Rạp chiếu):** Cung cấp các màu sắc đẹp nhất để xem phim.
- **HDR:** Mã hóa và hiển thị nội dung Dải Tương Phản Động Rộng (HDR) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020. Chế độ này sẽ được bật tự động nếu HDR được cài sang ON (BẬT) (và Nội dung HDR được gửi sang máy chiếu – 4K UHD Blu-ray, game 1080p/4K UHD HDR, Video phát trực tiếp 4K UHD). Trong khi chế độ HDR hoạt động, bạn không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Điện ảnh, Tham chiếu, v.v...) vì HDR cung cấp màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.
- **HLG:** Đối với các bộ phim HDR có nội dung Nhật ký lai.
- **HDR SIM.:** Nâng cao nội dung không phải HDR với Dải Tương Phản Động Rộng được mô phỏng (HDR). Chọn chế độ này để nâng cao gamma, độ tương phản và độ bão hòa màu cho nội dung không phải HDR (Truyền phát/Truyền hình cáp 720p và 1080p, 1080p Blu-ray, game không phải HDR, v.v...). Chế độ này CHỈ có thể được sử dụng với nội dung không phải HDR.
- **Game (Trò chơi):** Chọn chế độ này để tăng độ sáng và mức thời gian đáp ứng để tận hưởng các trò chơi video.
- **Reference (Tham khảo):** Chế độ này được thiết kế để tái tạo hình ảnh ở khoảng cách gần nhất theo cách mà đạo diễn phim mong muốn. Các cài đặt màu sắc, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình về mức quy chiếu chuẩn. Chọn chế độ này để xem video.
- **Bright (Sáng):** Độ sáng tối đa từ đầu vào PC.
- **User (Người sử dụng):** Ghi nhớ các cài đặt của người dùng.
- **3D:** Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính 3D. Đảm bảo đã lắp đặt một đầu đĩa DVD Blu-ray 3D.
- **ISF Day (ISF ngày):** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Day (ISF ngày) cần hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF Night (ISF đêm):** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF Night (ISF đêm) cần hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF HDR:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF HDR cần được hiệu chỉnh hoàn hảo với chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF HLG:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF HLG cần được hiệu chỉnh hoàn hảo với chất lượng hình ảnh cao.
- **ISF 3D:** Tối ưu hóa hình ảnh với chế độ ISF 3D cần hiệu chỉnh hoàn hảo và chất lượng hình ảnh cao.

Lưu ý: Để truy cập và hiệu chỉnh các chế độ xem ISF, hãy liên hệ đại lý bán hàng tại địa phương của bạn.

Dynamic Range (Dải động)

Định cấu hình cài đặt Dải động cao (HDR) và hiệu ứng của nó khi hiển thị video từ đầu phát Blu-ray 4K HDR, Bàn điều khiển trò chơi 1080p HDR & 4K HDR, Hộp đổi tín hiệu cáp TV phát trực tiếp 4K HDR và các dịch vụ phát trực tiếp 4K HDR.

► HDR (Dải động cao)/HLG (Nhật ký lai-Gamma)

- **Auto (Tự động):** Tự phát hiện tín hiệu HDR/HLG.
- **Off (Tắt):** Tắt hiệu ứng xử lý HDR/HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR/HLG.

► HDR Picture Mode (Chế độ hình HDR)

- **Bright (Sáng):** Chọn chế độ này để màu sắc sáng và bão hòa hơn.
- **Standard (Tiêu chuẩn):** Chọn chế độ này cho các màu trông tự nhiên với sự cân bằng của các tông màu ấm và nguội.
- **Film (Phim):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và độ sắc nét hình ảnh.
- **Detail (Chi tiết):** Chọn chế độ này để cải thiện chi tiết và giúp hình ảnh sắc nét trong các cảnh tối.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Brightness (Độ sáng)

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

Contrast (Độ tương phản)

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Sharpness (Độ sắc nét)

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Color (Màu sắc)

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Tint (Sắc thái)

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

Gamma (Gama)

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành cài đặt ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Film (Phim):** Cho nhà hát tại gia.
- **Video:** Cho nguồn video hoặc TV.
- **Graphics (Đồ họa):** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **Standard(2.2) (Tiêu chuẩn(2.2)):** Cho cài đặt chuẩn hóa.
- **1.8 / 2.0 / 2.4:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể.

Color Settings (Cài đặt màu sắc)

Định cấu hình cài đặt màu sắc.

- **BrilliantColor™:** Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.
- **Color Temperature (Mức độ màu):** Chọn mức độ màu từ Warm (Ấm), Standard (Tiêu chuẩn), Cool (Nhiệt độ màu) hoặc Cold (Lạnh).
- **Color Matching (Tinh chỉnh màu):** Điều chỉnh màu sắc, độ bão hòa và tăng cường R (đỏ), G (lục), B (lam), C (xanh ngọc), Y (vàng), M (đỏ thẫm) hoặc (W) màu trắng.
Lưu ý: Chọn “Reset (Thiết lập lại)” để thiết lập lại các cài đặt Tinh chỉnh màu và/hoặc chọn “Exit (Thoát)” để thoát menu Tinh chỉnh màu.
- **RGB Gain/Bias (Tăng cường/Lệch RGB):** Cài đặt này cho phép cài đặt độ sáng (tăng cường) và độ tương phản (độ lệch) của hình.
Lưu ý: Chọn “Reset (Thiết lập lại)” để thiết lập lại các cài đặt Tăng cường/Lệch RGB hoặc chọn “Exit (Thoát)” để thoát menu Tăng cường/Lệch RGB.

Brightness Mode (Chế độ sáng)

Chọn cài đặt chế độ độ sáng.

PureMotion

Chọn cài đặt PureMotion để quay video ở tốc độ 24 khung/giây để mượt mà hơn và bù cho độ mờ chuyển động. Để tắt PureMotion, chọn “Off (Tắt)”.

Reset (Thiết lập lại)

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu

Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)

Chọn tỷ lệ khung hình của hình hiển thị.

- **4:3:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **Auto (Tự động):** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Bảng tỷ lệ UHD 4K:

Màn hình 16:9	480i/p	576i/p	720p	1080i/p	2160p
4x3	Chia tỉ lệ thành 2880 x 2160.				
16x9	Chia tỉ lệ thành 3840 x 2160.				
Auto (Tự động)	- Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 2880 x 2160. - Nếu nguồn vào là 16:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3840 x 2160. - Nếu nguồn vào là 15:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3600 x 2160. - Nếu nguồn vào là 16:10 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 3456 x 2160.				

Quy tắc tự bố trí:

	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
4:3	640	480	2880	2160
	800	600	2880	2160
	1024	768	2880	2160
	1280	1024	2880	2160
	1400	1050	2880	2160
	1600	1200	2880	2160
Laptop màn hình rộng	1280	720	3840	2160
	1280	768	3600	2160
	1280	800	3456	2160
	Độ phân giải đầu vào		Tự động/Chia tỉ lệ	
	Độ phân giải ngang	Độ phân giải dọc	3840	2160
SDTV	720	576	2700	2160
	720	480	3240	2160
HDTV	1280	720	3840	2160
	1920	1080	3840	2160

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học)

Điều chỉnh cách chiếu hình để khớp với bề mặt hoặc hình dạng chiếu cụ thể.

- **Warp Control (Điều khiển sợi dọc):** Cài sang "On (Bật)" để sử dụng các cài đặt độ vênh nhằm tùy chỉnh hình chiếu hoặc cài sang "Off (Tắt)" để chiếu hình chiếu góc.
- **Warp Calibration (Hiệu chỉnh sợi dọc):** Nhấn "Trên", "Dưới", "Trái" hoặc "Phải" để lấy nét điểm mong muốn. Nhấn "OK" để chọn điểm đó. Sau đó nhấn "Trên", "Dưới", "Trái" hoặc "Phải" để dịch chuyển vị trí điểm vừa chọn. Nhấn "↵" để trở về trang trước.
- **Move Increment (Tăng di chuyển):** Cài tăng di chuyển để chỉnh độ vênh.
- **Options (Lựa chọn):** Định cấu hình thêm các cài đặt chỉnh độ vênh, như "Warp Number (Số sợi dọc)", "Warp Inner (Phần lõi sợi dọc)" và thiết lập màu cho con trỏ và khung lưới.
- **Reset (Thiết lập lại):** Thiết lập lại mọi cài đặt cho menu Hiệu chỉnh hình học về mặc định gốc.

EDID Reminder (Báo nhắc EDID)

Bật để hiển thị báo nhắc khi nguồn đầu vào được đổi sang HDMI.

EDID HDMI 1 / EDID HDMI 2 / EDID HDMI 3

Chọn loại EDID HDMI từ 2.0 hoặc 1.4.

- Chọn HDMI 1.4 EDID khi sử dụng các nguồn 1080p (Xbox 360, Hộp cáp, Hộp vệ tinh, v.v...).
 - Chọn HDMI 2.0 EDID cho các nguồn 1080p HDR (như Xbox One S hoặc PS4) và các nguồn 4K HDR (Đầu phát Blu-ray 4K HDR, Roku Ultra 4K, SHIELD TV, Xbox One X và PS4 Pro, v.v...).
- Lưu ý:** Sử dụng HDMI 2.0 EDID với nguồn HDMI 1.4 có thể khiến cho màu sắc bất thường hoặc tạo ra dải màu. Nếu điều này xảy ra, hãy đổi EDID sang 2.0 cho cổng kết nối nguồn.

Menu Settings (Tùy chỉnh menu)

Cài vị trí menu trên màn hình và định cấu hình cài đặt Menu timer (Hẹn giờ menu).

- **Menu Location (Vị trí menu):** Chọn vị trí menu trên màn hình hiển thị.
- **Menu Timer (Đồng hồ menu):** Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Menu 3D

3D Tech. (Công nghệ 3D)

Cài thông số công nghệ 3D sang "DLP-Link (Kết nối DLP)" hoặc "3D-Sync (Đồng bộ 3D)".

3D Format (Định dạng 3D)

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Auto (Tự động):** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **SBS (Bên cạnh):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Bên cạnh".
- **Top and Bottom (Trên và dưới):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Top and Bottom (Trên và dưới)".
- **Frame Sequential (Khung tuần tự):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Frame Sequential (Khung tuần tự)". Cách mã hóa Khung tuần tự thường dùng cho nội dung máy tính.
- **Frame Packing (Gói khung):** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng "Frame Packing (Gói khung)". Cách mã hóa Đóng gói khung chủ yếu được dùng với đầu phát Blu-ray 1080p.

3D Sync Invert (Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D)

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng chuyển đổi đồng bộ 3D.

Reset (Thiết lập lại)

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho Cài đặt 3D.

Lưu ý: Chức năng 3D không có sẵn trong các trường hợp sau: 4K, HDR, HLG, Không tín hiệu video.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Âm thanh

Internal Speaker (Tích hợp loa)

Chọn "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)" để bật hoặc tắt loa trong.

Mute (Tắt tiếng)

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **On (Bật):** Chọn "On (Bật)" để mở tiếng.
- **Off (Tắt):** Chọn "Off (Tắt)" để tắt tiếng.

Lưu ý: Chức năng "Mute (Tắt tiếng)" có ảnh hưởng đến cả âm lượng của loa trong và ngoài.

Volume (Âm lượng)

Chỉnh mức âm lượng.

Lưu ý: Không thể điều chỉnh âm lượng nếu ngõ ra âm thanh qua HDMI ARC hoặc S/PDIF.

Digital Output (Đầu ra KTS)

Chọn định dạng ngõ ra âm thanh kỹ thuật số giữa "Bitstream", "PCM" và "Auto (Tự động)".

Sound Effect (Hiệu ứng âm thanh)

Chọn hiệu ứng âm thanh giữa "Movie (Chế độ xem phim)", "Music (Nhạc)", "Sport (Thể thao)", "Game (Trò chơi)" và "Night (Ban đêm)".

Internal Speaker Delay (Độ trễ loa tích hợp)(mili giây)

Cài độ trễ của loa trong bằng mili giây.

Digital Output Delay (Độ trễ đầu ra kỹ thuật số)(mili giây)

Cài độ trễ đầu ra kỹ thuật số bằng mili giây.

Menu Thiết lập

Projection Mode (Chế độ chiếu)

Chọn cách chiếu ưa thích giữa "Phía trước" và "Phía sau". Tham khảo trang 14.

Test Pattern (Mẫu thử)

Chọn mẫu thử từ "Green Grid (Khung lưới xanh)", "Magenta Grid (Khung lưới đỏ thẫm)", "White Grid (Khung lưới trắng)", "White (Trắng)" và "Yellow Border (Viền vàng)".

Nhấn "↩" để thoát menu Mẫu thử.

High Altitude (Điều chỉnh tốc độ quạt)

Khi chọn "On (Bật)", các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Focus (Lấy nét)

Nhấn nút "Trái" hoặc "Phải" trên điều khiển từ xa để lấy nét hình chiếu.

Menu thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

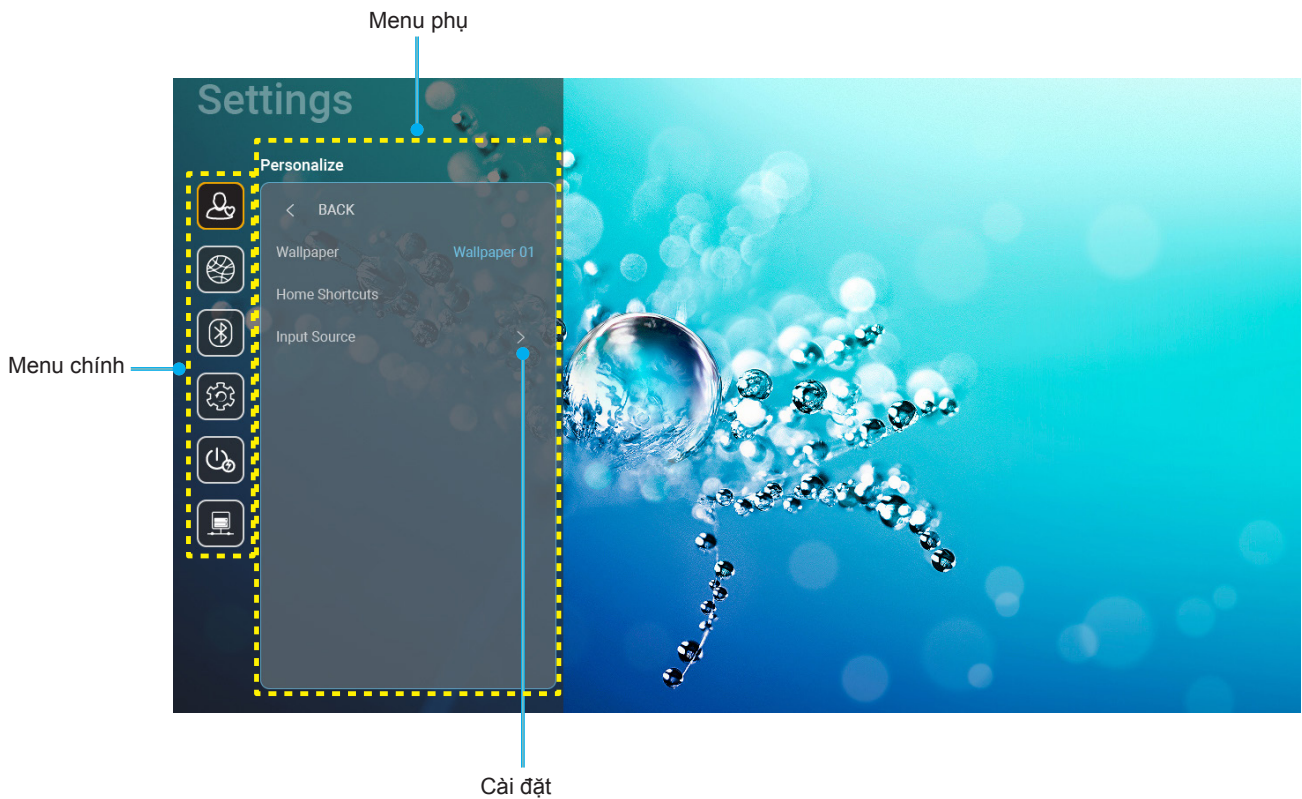
- Display (Hiển thị)
- Hardware (Phần cứng)
- Input Source (Nguồn tín hiệu vào)
- About (Giới thiệu)

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu cài đặt hệ thống

Trên màn hình chính, chọn menu cài đặt hệ thống  để định cấu hình nhiều cài đặt hệ thống khác nhau.

Điều hướng menu chung



1. Khi menu cài đặt hệ thống hiển thị, hãy sử dụng các nút điều hướng lên hoặc xuống để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi thực hiện lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút **“OK”** hoặc **“Phải”** trên điều khiển từ xa để vào menu phụ.
2. Nhấn nút **“Trái”** và **“Phải”** để chọn mục menu mong muốn. Sau đó nhấn **“OK”** để mở menu phụ liên quan.
3. Nhấn nút **“Trên”** và **“Dưới”** để chọn mục mong muốn trong menu phụ.
4. Nhấn nút **“OK”** hoặc **“Phải”** để truy cập cài đặt mục menu phụ vừa chọn.
5. Nhấn nút **“Trên”**, **“Dưới”**, **“Trái”** hoặc **“Phải”** để chọn cài đặt hoặc nhấn nút **“Trái”** và **“Phải”** để chỉnh giá trị đó (nếu cần).
6. Nhấn **“OK”** để xác nhận cài đặt.
7. Chọn mục cần điều chỉnh tiếp theo trong menu phụ và sửa đổi như mô tả ở trên.
8. Để thoát, nhấn **“←”** (nhiều lần nếu cần). Menu cài đặt sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu cài đặt hệ thống

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị		
Personalize (Tùy chỉnh)	Wallpaper (Hình nền)	Phong cách Optoma...				
	Home Shortcuts (Phím tắt màn hình chính)	Phím tắt 1		Ứng dụng/Nguồn vào		
		Phím tắt 2		Ứng dụng/Nguồn vào		
		Phím tắt 3		Ứng dụng/Nguồn vào		
		Phím tắt 4		Ứng dụng/Nguồn vào		
		Phím tắt 5		Ứng dụng/Nguồn vào		
		Phím tắt 6		Ứng dụng/Nguồn vào		
	Input Source (Nguồn tín hiệu vào)	HDMI/USB Disk (HDMI/Ổ USB)		Notification (Thông báo)		
				Source Auto-change (Tự thay đổi nguồn) [Chế độ mặc định]		
				None (Không)		
		Input Name (Tên hiệu vào)	HDMI1			
HDMI2						
HDMI3						
Network (Mạng)	Wireless (Không dây)	Wi-Fi		Off (Tắt)		
				On (Bật)[Chế độ mặc định]		
		Available Networks (Mạng khả dụng) (Khi Wi-Fi Bật)	Enter password for (Nhập mật khẩu cho) [Tên Wi-Fi] (Khi nhập mật khẩu)		[Hộp thoại bật lên] - Tiêu đề: Enter password for (Nhập mật khẩu cho) [Tên Wi-Fi] - Phụ đề: Password (Mật khẩu) - Nhập liệu: (Nhập văn bản) - Ô kiểm: Show password (Hiển thị mật khẩu) - Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"	
			Internet Connection (Kết nối internet)			
			IP Address (Địa chỉ IP)			
			MAC Address (Địa chỉ MAC)			
			Signal Strength (Cường độ tín hiệu)			
			Proxy Settings (Cài đặt giấy phép)			None (Không)
						Manual (Thủ công) [Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter a valid hostname. (Nhập tên máy chủ hợp lệ.) Phụ đề: Proxy hostname (Tên máy chủ proxy) Gợi ý nhập liệu: proxy.example@com Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"
		IP Settings (Thiết lập IP)				DHCP
					Static (Tĩnh) [Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter a valid IP address. (Nhập địa chỉ IP hợp lệ.) Phụ đề: IP Address (Địa chỉ IP) Gợi ý nhập liệu: 192.168.1.128 Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"	
		Cancel (Hủy)				
		Forget (Quên)			[Hộp thoại bật lên] Gợi ý: [Tên Wi-Fi] Tiêu đề: Forget network (Quên mạng) Nội dung: Your device will no longer join this Wi-Fi network. (Thiết bị của bạn sẽ không kết nối mạng Wi-Fi này.) Nút: "Cancel (Hủy)"/ "OK"	

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị		
Network (Mạng)	Wireless (Không dây)	Other Options (Tùy chọn khác)	Connect via WPS (Kết nối qua WPS)			
			Connect via WPS (Enter PIN) (Kết nối qua WPS (Hãy nhập mã PIN))			
			Add New Network (Thêm mạng mới)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Enter name of Wi-Fi network (Nhập tên mạng Wi-Fi) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: “Cancel (Hủy)”/“OK”		
				[Hộp thoại bật lên] Nội dung: Type of security (Loại bảo mật) Nút: None (Không), WEP, WPA/WPA2 PSK, 802.1x/EAP		
			Portable Wi-Fi Hotspot (Trạm phát Wi-Fi di động)	Portable Wi-Fi Hotspot (Trạm phát Wi-Fi di động)	Off (Tắt) On (Bật)	
				Network name (Tên mạng)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Rename network (Đổi tên mạng) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: “Cancel (Hủy)”/“OK”	
			Portable Hotspot (Trạm phát di động)	Security (Bảo mật)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Type of security (Loại bảo mật) Nút: None (Không), WPA2 PSK	
				Password (Mật khẩu)	[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Change password (Đổi mật khẩu) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Mô tả: The password must have at least 8 characters. (Mật mã phải có ít nhất 8 ký tự.) Ô kiểm: Show password (Hiện thị mật khẩu) Nút: “Cancel (Hủy)”/“OK”	
			Ethernet (Android)	Status (Tình trạng)		(chỉ đọc)
				MAC Address (Địa chỉ MAC)		(chỉ đọc)
	Proxy Settings (Cài đặt giấy phép)	None (Không)				
		Manual (Thủ công)		Proxy hostname (Tên máy chủ proxy)		
				Cổng nối tên miền proxy nhánh		
	IP Settings (Thiết lập IP)	DHCP				
		Static (Tĩnh)		IP Address (Địa chỉ IP)		
			Gateway			
			Network Prefix Length (Độ dài mã đầu mạng)			
DNS 1 DNS 2						
Reset (Thiết lập lại)						

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị	
Bluetooth	Bluetooth			On (Bật)[Chế độ mặc định]	
				Off (Tắt)	
Bluetooth	Device Name (Tên thiết bị) (Khi Bluetooth Bật)	Rename Device (Đổi tên thiết bị)		[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Đổi tên thiết bị Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK" [Chế độ mặc định: Optoma-UHD]	
Bluetooth	Scan again (Dò lại) (Khi Bluetooth Bật)				
	Paired Devices (Thiết bị đã ghép nối) (Khi Bluetooth Bật)	Device Name (Tên thiết bị)		[Hộp thoại bật lên] Tiêu đề: Rename paired device (Đổi tên thiết bị đã ghép nối) Nhập liệu: (Nhập văn bản) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK"	
		(Cài đặt tùy chỉnh)			
		Cancel (Hủy)			
		Forget (Quên)		[Hộp thoại bật lên] Gợi ý: [Tên Bluetooth] Tiêu đề: Forget device (Quên thiết bị) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK"	
	(Khi chưa kết nối thiết bị)		[Hộp thoại bật lên] Nội dung: Device is not available right now. (Thiết bị không khả dụng ngay lúc này.) Nút: "Cancel (Hủy)"/"OK"/"Forget (Quên)"		
Available Devices (Thiết bị khả dụng) (Khi Bluetooth Bật)					
System (Hệ thống)	Language (Ngôn ngữ)			English [Chế độ mặc định]	
				Deutsch	
				Français	
				Italiano	
				Español	
				Português	
				Русский	
				繁體中文	
				简体中文	
				日本語	
			한국어		
	Keyboard (Bàn phím)				
	Date and Time (Ngày và giờ)	Select time zone (Chọn múi giờ)			-12:00, -11:00, -10:00, -09:30, -09:00, -08:00, -07:00, -06:00, -05:00, -04:00, -03:30, -03:00, -02:00, -01:00, 00:00, +01:00, +02:00, +03:00, +03:30, +04:00, +04:30, +05:00, +05:30, +05:45, +06:00, +06:30, +07:00, +08:00, +08:30, +8:45, +09:00, +09:30, +10:00, +10:30, +11:00, +12:00, +12:45, +13:00, +14:00
		Daylight Saving Time (Giờ mùa hè)			On (Bật) Off (Tắt)[Chế độ mặc định]
Use 24-hour format (Dùng định dạng 24 giờ)				On (Bật) Off (Tắt)[Chế độ mặc định]	
System Update (Cập nhật hệ thống)					
Internal Storage (Bộ nhớ trong)					

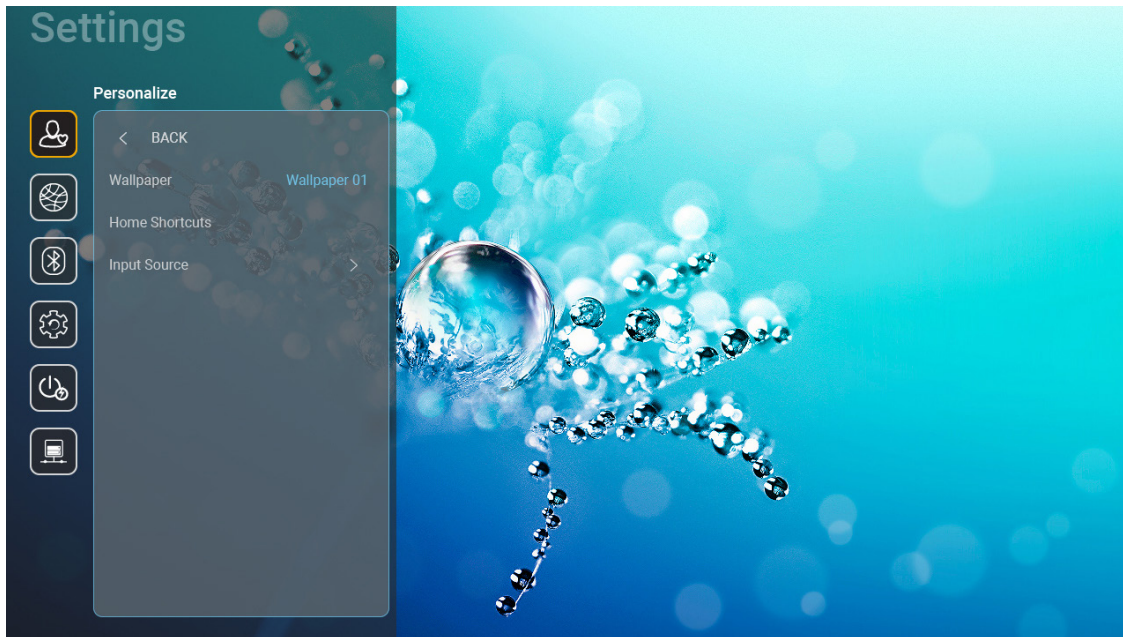
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Giá trị
System (Hệ thống)	Reset (Thiết lập lại)			[Hộp thoại bật lên] Nội dung: Would you like to reset all settings or reset to default? (Bạn có muốn thiết lập lại mọi cài đặt hoặc cài lại về mặc định không?) All the settings/data will be erased (Mọi cài đặt/dữ liệu sẽ bị xóa). Nút: "Cancel (Hủy)"/ "Reset all settings (Thiết lập lại mọi cài đặt)" / "Reset to Default (Cài đặt mặc định)"
	Legal (Hợp lệ)	Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng)		
		Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư) Cookies Policy (Chính sách cookie)		
Power (Nguồn)	Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)			Off (Tắt) [Chế độ mặc định] On (Bật)
	Auto Power off (min.) (Tự tắt nguồn (phút))			0~180 (tăng thêm 5 phút) [Mặc định: 20]
	Sleep Timer (Hẹn giờ tắt máy) (phút)			Off (Tắt) ~ 990 (tăng thêm 30 phút) [Chế độ mặc định: Off (Tắt)]
	Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (chế độ chờ))			Smart Home (Ngôi nhà thông minh) Eco [Chế độ mặc định]
Control (Điều khiển)	LAN Control (Điều khiển LAN)	IoT		Off (Tắt) On (Bật)[Chế độ mặc định]
				Off (Tắt) On (Bật)[Chế độ mặc định]
	HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)	Power On Link (Liên kết cho bật nguồn)		Off (Tắt) On (Bật)[Chế độ mặc định]
		Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn)		Off (Tắt) On (Bật)[Chế độ mặc định]

Lưu ý: Các chức năng sẽ khác nhau tùy vào định nghĩa của từ mẫu máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Cá nhân hóa menu



Home Shortcuts (Phím tắt màn hình chính)

Xem lại các phím tắt trên màn hình chính của mọi ứng dụng đã mở trong mỗi nguồn tín hiệu vào. Các mục không thể lặp lại ngoại trừ tùy chọn “Tự động” - nghĩa là hệ thống sẽ ghi nhớ tối đa sáu ứng dụng mới nhất đã được mở và sau đó sẽ thay thế các phím tắt ứng dụng để ứng dụng mới nhất sẽ nằm trên đầu danh sách trong khi các ứng dụng khác trong danh sách được dịch chuyển theo một vị trí.

HDMI/USB Disk (HDMI/Ổ USB)

Xác định cách hệ thống sẽ phản ứng khi một trong các nguồn đầu vào (HDMI/Ổ USB flash) được kết nối với máy chiếu.

- **Notification (Thông báo):** Chọn "Notification (Thông báo)" để hiển thị thông báo xác nhận chuyển đổi đầu vào khi phát hiện một nguồn đầu vào.
- **Source Auto-change (Tự thay đổi nguồn):** Chọn "Source Auto-change (Tự thay đổi nguồn)" để tự động chuyển sang nguồn đầu vào đang phát hiện.
- **None (Không):** Chọn “None (Không)” để chuyển đổi nguồn đầu vào bằng thủ công.

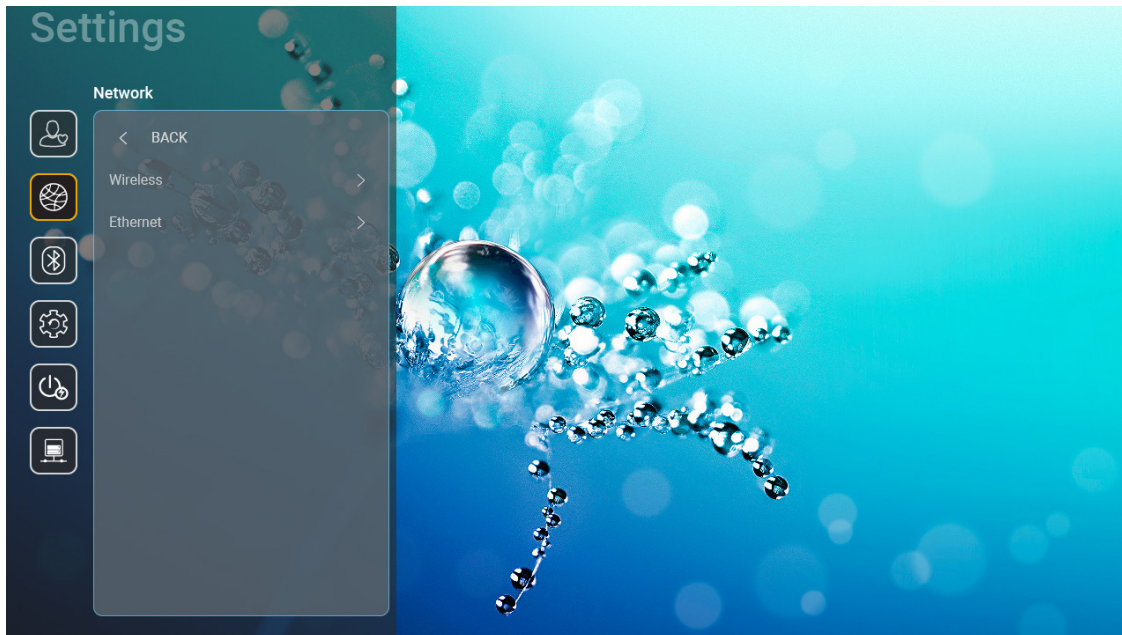
Lưu ý: HDMI ARC cũng được xem là một nguồn tín hiệu vào. Nếu bạn muốn tắt tính năng Tự thay đổi nguồn, hãy cài tùy chọn Đầu HDMI/USB sang “None (Không)”.

Input Name (Tên hiệu vào)

Đổi tên nguồn tín hiệu vào nếu cần.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu mạng



Wireless (Không dây)

Định cấu hình cài đặt mạng không dây.

- **Wi-Fi:** Cài tùy chọn Wi-Fi sang “On (Bật)” để bật tính năng mạng không dây.
- **Available networks SSID (Mạng khả dụng SSID):** Chọn Bộ thu phát không dây mong muốn và nhập hoặc định cấu hình các thông số kết nối cần thiết (nếu cần), ví dụ: mật khẩu, cài đặt proxy và địa chỉ IP. Để biết thông tin, bạn có thể xem lại cường độ tín hiệu.

Chọn “Cancel (Hủy)” để trở về menu Mạng mà không cần lưu các cài đặt. Chọn “Forget (Quên)” để xóa cấu hình mạng không dây.

Lưu ý: Bất cứ khi nào bạn cần nhập các biểu tượng, hệ thống sẽ tự động bật lên bàn phím ảo.

- **Other Options (Tùy chọn khác):** Định cấu hình cài đặt mạng không dây nâng cao, chẳng hạn như “Connect via WPS (Kết nối qua WPS)”, “Connect via WPS (Enter PIN) (Kết nối qua WPS (Hãy nhập mã PIN))”, “Add New Network (Thêm mạng mới)” (hãy nhập tên mạng theo cách thủ công) và “Portable Hotspot (Trạm phát di động)” (định cấu hình máy chiếu để hoạt động như một Access Point không dây cho các thiết bị khác).

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

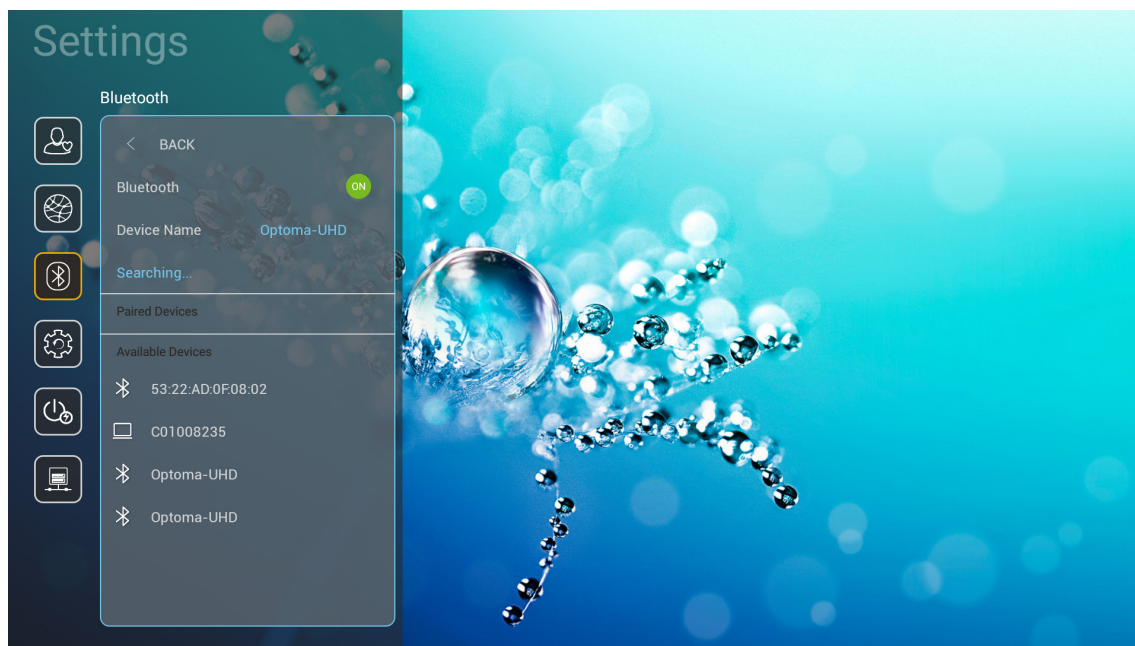
Ethernet (Android)

Định cấu hình cài đặt mạng.

Lưu ý: Đảm bảo bạn đã kết nối máy chiếu với mạng cục bộ (LAN). Hãy tham khảo trang 15.

- **Network Status (Tình trạng mạng):** Hiển thị tình trạng kết nối mạng (chỉ đọc).
- **MAC Address (Địa chỉ MAC):** Hiển thị địa chỉ MAC (chỉ đọc).
- **Proxy Settings (Cài đặt giấy phép):** Cung cấp thông tin tên máy chủ proxy, cổng kết nối và tên miền proxy nhánh theo cách thủ công nếu được yêu cầu.
- **IP Settings (Thiết lập IP):** Bật DHCP nếu bạn muốn máy chiếu tự động nhận địa chỉ IP và các thông số kết nối khác từ mạng. Tắt DHCP nếu bạn muốn gán địa chỉ IP, cổng, độ dài mã đầu mạng và các thông số DNS theo cách thủ công.
- **Reset (Thiết lập lại):** Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt mạng.

Menu Bluetooth



Bluetooth

Cài tùy chọn Bluetooth sang “On (Bật)” để bật tính năng Bluetooth.

Device Name (Tên thiết bị)

Xem lại hoặc sửa đổi tên máy chiếu.

Lưu ý: Bất cứ khi nào bạn cần nhập các biểu tượng, hệ thống sẽ tự động bật lên bàn phím ảo.

Scan again (Dò lại)

Tìm kiếm các thiết bị Bluetooth có sẵn.

Paired Devices (Thiết bị đã ghép nối)

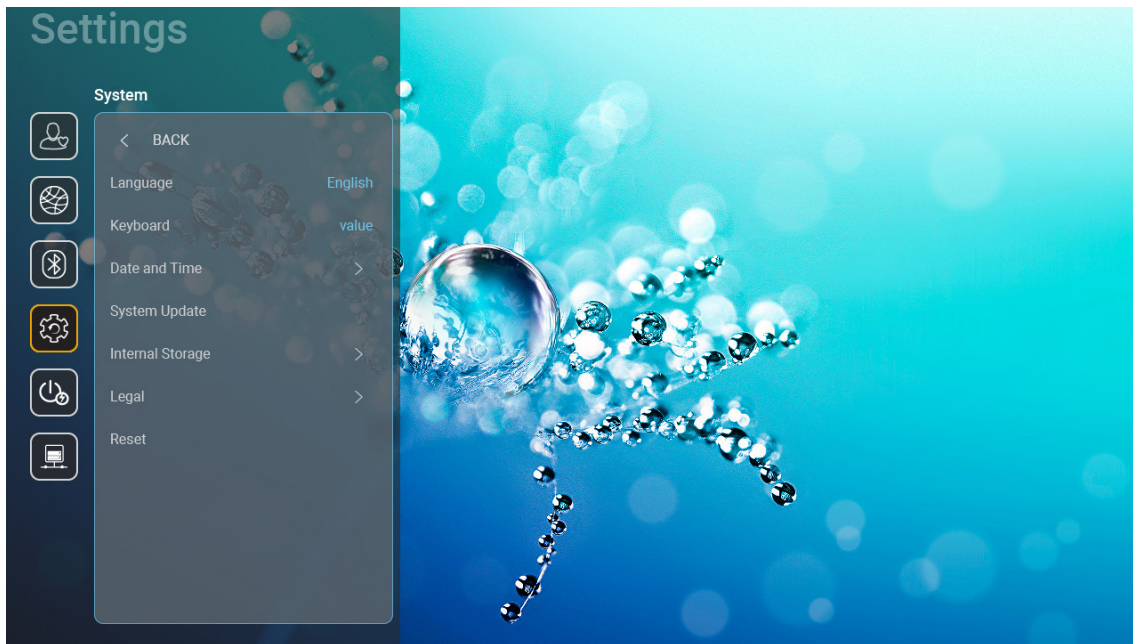
Xem lại và quản lý các thiết bị đã ghép nối.

Available Devices (Thiết bị khả dụng)

Xem lại mọi thiết bị Bluetooth có sẵn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hệ thống



Language (Ngôn ngữ)

Chọn ngôn ngữ hệ thống ưa thích của bạn giữa tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Nga, tiếng Trung phồn thể, tiếng Trung giản thể, tiếng Nhật và tiếng Hàn.

Keyboard (Bàn phím)

Chọn ngôn ngữ bàn phím.

Date and Time (Ngày và giờ)

Định cấu hình cài đặt ngày giờ.

- **Select time zone (Chọn múi giờ):** Chọn múi giờ tại địa điểm của bạn.
- **Use 24-hour format (Dùng định dạng 24 giờ):** Cài sang “On (Bật)” để hiển thị thời gian theo định dạng 24 giờ. Cài sang “Off (Tắt)” để hiển thị thời gian theo định dạng 12 giờ (Sáng/Tối).
- **Choose date format (Chọn định dạng ngày):** Chọn định dạng ngày ưa thích.

System Update (Cập nhật hệ thống)

Hệ thống sẽ tự động dò tìm các bản cập nhật mỗi khi máy chiếu được kết nối với Internet (OTA).

Internal Storage (Bộ nhớ trong)

Xem hoạt động sử dụng bộ nhớ trong.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Legal (Hợp lệ)

Xem lại các tài liệu pháp lý bao gồm “Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng)”, “Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư)”, và “Cookies Policy (Chính sách cookie)”.

Lưu ý: Bạn cũng có thể xem lại các tài liệu pháp lý qua mạng. Hãy tham khảo các địa chỉ web sau:

- Terms and Conditions of Use (Điều khoản và điều kiện sử dụng): <https://www.optoma.com/terms-conditions/>
- Cookies Policy (Chính sách cookie): <https://www.optoma.com/cookies-policy/>
- Privacy Policy (Chính sách quyền riêng tư): <https://www.optoma.com/software-privacy-policy/>

Reset (Thiết lập lại)

Thiết lập lại mọi cài đặt bao gồm dữ liệu (“Reset all settings (Thiết lập lại mọi cài đặt)”) hoặc chỉ thiết lập lại các cài đặt về mặc định gốc (“Reset to Default (Cài đặt mặc định)”). Chọn “Cancel (Hủy)” để thoát menu và giữ lại cấu hình hiện tại.

Lưu ý: Sau khi bạn chọn “Reset to Default (Cài đặt mặc định)”, máy chiếu sẽ tự động tắt. Để bắt đầu quy trình phục hồi, hãy bật máy chiếu.

Menu Nguồn điện

Direct Power On (Bật nguồn trực tiếp)

Chọn “On (Bật)” để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi nguồn điện AC được cấp, mà không cần nhấn nút “Nguồn” trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Auto Power off (min.) (Tự tắt nguồn (phút))

Cài thời lượng cho đồng hồ đếm ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Chức năng “Auto Power off (min.) (Tự tắt nguồn (phút))” không khả dụng nếu dự án ở chế độ màn hình chính.

Sleep Timer (min.) (Hẹn giờ tắt máy (phút))

Cài thời lượng cho đồng hồ đếm ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Power Mode (Standby) (Chế độ nguồn (chế độ chờ))

Định cấu hình cài đặt chế độ nguồn ở chế độ chờ.

- **Smart Home (Ngôi nhà thông minh):** Chọn “Smart Home (Ngôi nhà thông minh)” để trở về chế độ chờ bình thường (LAN bật, Wi-Fi bật).
- **Eco:** Chọn “Eco” để tiết kiệm thêm mức phân tán điện < 0,5W.

Chế độ nguồn	Eco (<0,5W)	Smart Home (Ngôi nhà thông minh) (<8W)
IoT sẽ bật máy chiếu (Alexa, Google Assistant, IFTTT)	Không có	Có
Chuyển sang Loa Bluetooth	Không có	Có
Bật nguồn qua chế độ Bluetooth trên bộ điều khiển	Bật nguồn qua IR	Có
Lên lịch InfoWall để bật máy chiếu	Không có	Có

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Điều khiển

LAN Control (Điều khiển LAN)

- IoT: Cài sang “Off (Tắt)” để tắt mọi nút điều khiển qua “IoT”, kể cả “InfoWall”.

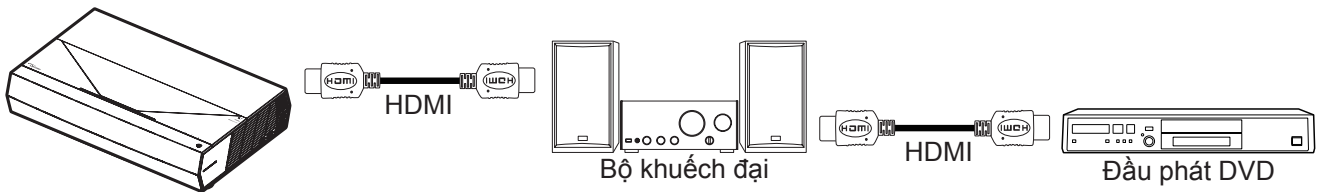
HDMI Link Settings (Thiết lập liên kết HDMI)

Định cấu hình cài đặt liên kết HDMI.

- **Power On Link (Liên kết cho bật nguồn):** Bật chức năng này để cho phép cả Liên kết HDMI và máy chiếu được bật tự động cùng một lúc.
- **Power Off Link (Liên kết cho tắt nguồn):** Bật chức năng này để cho phép cả Liên kết HDMI và máy chiếu được tắt tự động cùng một lúc.

Lưu ý:

- Chức năng liên kết HDMI chỉ được hỗ trợ nếu nguồn được kết nối với cổng HDMI1 hoặc HDMI2.
- Máy chiếu có thể được điều khiển bởi các thiết bị khác nhưng bạn không thể sử dụng máy chiếu để điều khiển các thiết bị khác.
- Nếu thiết bị âm thanh luồng dữ liệu xuống (AVR, Soundbar) của bạn hỗ trợ HDMI ARC, bạn có thể sử dụng cổng HDMI ARC để xuất âm thanh kỹ thuật số.




Chọn nguồn tín hiệu đầu vào

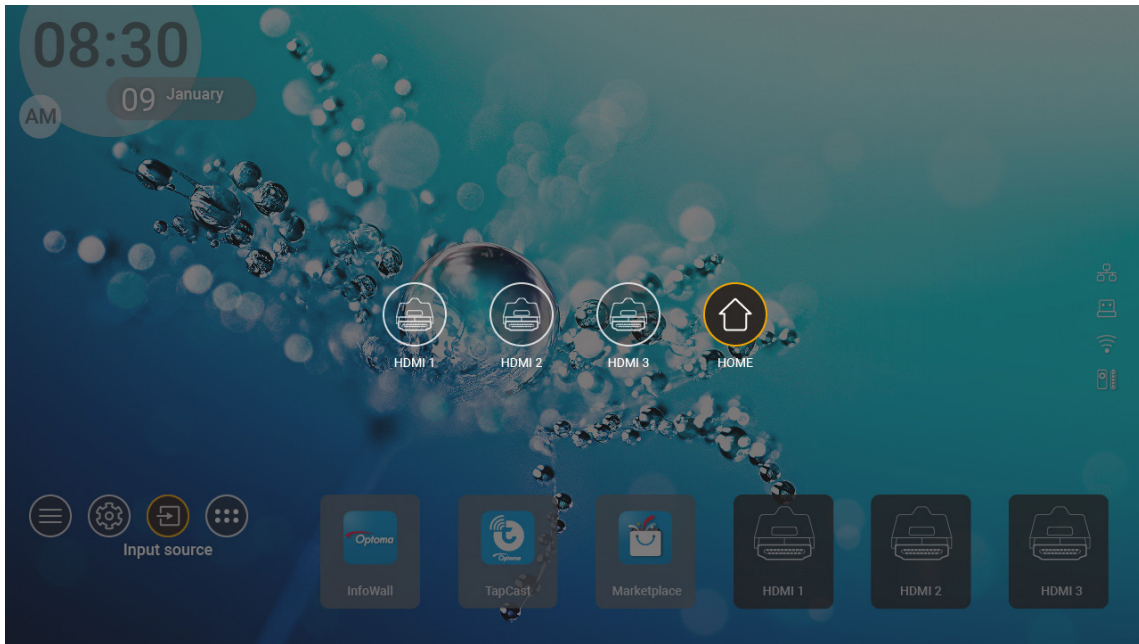
Bạn có thể chọn bất kỳ nguồn đầu vào nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt đầu vào.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt System (Hệ thống) → Personalize (Tùy chỉnh) → Home Shortcuts (Phím tắt màn hình chính)”. Bạn cũng có thể sửa đổi trình tự phím tắt trên màn hình chính.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Nếu nguồn đầu vào mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “” để xem mọi tùy chọn đầu vào. Sau đó chọn nguồn đầu vào của bạn hoặc chọn “HOME (MÀN HÌNH CHÍNH)” để trở về màn hình chính.



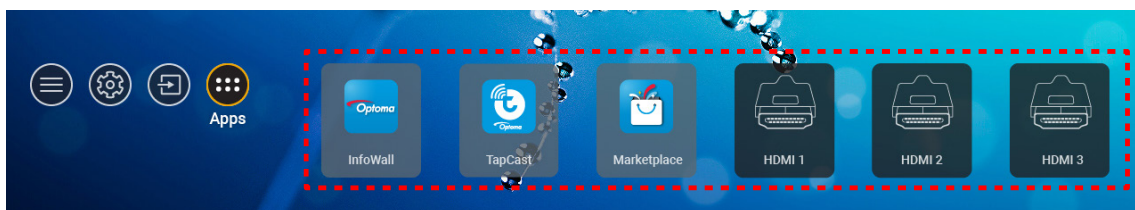
Lưu ý: Máy chiếu có thể được thiết lập để đưa ra thông báo xác nhận chuyển đổi đầu vào khi nguồn đầu vào được phát hiện và chuyển sang nguồn đầu vào vừa phát hiện theo cách tự động hoặc thủ công. Tham khảo trang 40.


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

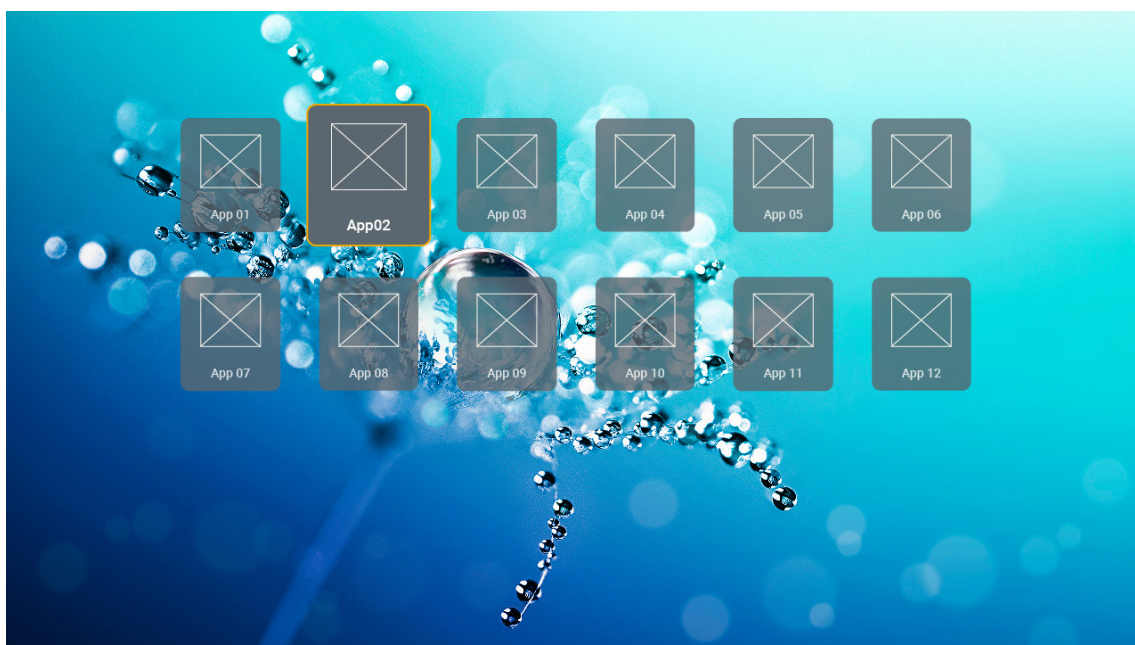
Chọn ứng dụng

Bạn có thể chọn bất kỳ ứng dụng nào trực tiếp trên màn hình chính bằng phím tắt ứng dụng.

Lưu ý: Bạn có thể cá nhân hóa cài đặt phím tắt trong “Menu cài đặt System (Hệ thống) → Personalize (Tùy chỉnh) → Home Shortcuts (Phím tắt màn hình chính)”.



Nếu ứng dụng mong muốn không hiển thị trên màn hình chính, chọn “” để xem mọi ứng dụng đã cài đặt. Sau đó chọn ứng dụng mong muốn.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Các định dạng đa phương tiện hỗ trợ

Nếu bạn muốn phát các tập tin đa phương tiện, hãy cắm thiết bị lưu trữ USB chứa nội dung đa phương tiện với máy chiếu. Sau đó mở ứng dụng trình phát đa phương tiện và chọn các tập tin cần phát.

Máy chiếu hỗ trợ các định dạng đang phương tiện sau:

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ	
Video	H.263	FLV	
		MP4	
		MOV	
		3GPP	
		3GP	
		AVI	
		MKV	
		H.264	FLV
	MP4		
	MOV		
	3GPP		
	3GP		
	Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)		
	ASF		
	WMV		
	AVI		
	MKV		
	HEVC/H.265		MP4
			MOV
		3GPP	
		3GP	
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)	
		MKV	
	MPEG1/2	Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)	
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)	
		MP4	
		3GP	
		AVI	
		MKV	
	MPEG4	MP4	
		MOV	
		3GP	
AVI			
MKV			

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Video	DivX 3,11, DivX 4.12, DivX 5.x, DivX 5, XviD	DivX
		MP4
		AVI
		MKV
		MOV
	JPEG động	AVI
		MP4
		MOV
	AVS	3GPP
		3GP
		MP4
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
	AVS+	3GPP
		3GP
		MP4
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
	VC1	Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		WMV
MKV		
Âm thanh	MPEG1/2 Lớp 1	MP3
		AVI
		MP4
		MOV
		M4A
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
	MPEG1/2 Lớp 2	MP3
		AVI
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
		MOV
		M4A
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
	Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)	
	MPEG1/2.5 Lớp 3	MP3
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
	MPEG1/2.5 Lớp 3	MOV
		M4A
Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)		
Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)		

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Loại media	Trình giải mã	Các định dạng tập tin hỗ trợ
Âm thanh	AC3	AC3
		Matroska (MKV, MKA)
		MOV
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
		Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
	EAC3	EAC3
		MP4
	AAC, HEAAC	AAC
		MP4
		MOV
		M4A
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
	WMA	Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)
		WMV
		ASF
		AVI
		Matroska (MKV, MKA)
	LPCM	WAV
		AVI
		Matroska (MKV, MKA)
		MP4
		MOV
		M4A
		Luồng truyền MPEG (.ts / .trp / .tp)
IMA-ADPCM MS-ADPM	Luồng chương trình MPEG (.DAT / .VOB / .MPG / .MPEG)	
	WAV	
	AVI	
	Matroska (MKV, MKA)	
	MP4	
	MOV	
FLAC	M4A	
	Matroska (MKV, MKA)	
Photo	BMP	15360 X 8640 (Giới hạn độ phân giải tối đa tùy thuộc vào kích thước DRAM)

Lưu ý:

- Mọi tập tin đa phương tiện có thể được phát bằng ứng dụng trình phát đa phương tiện.
- Cổng HDMI 1 (ARC) ở phía sau máy chiếu hỗ trợ truyền qua Dolby ATMOS.

Hình ảnh

Loại hình ảnh (tên mở rộng)	Loại phụ	Điểm ảnh tối đa
Jpeg/Jpg	Vạch ranh giới	8000 x 8000
	Tăng dần	6000 x 4000
PNG	Không xen kẽ	6000 x 4000
	Xen kẽ	6000 x 4000
BMP		6000 x 4000

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Tài liệu

Định dạng tài liệu	Phiên bản và định dạng hỗ trợ	Giới hạn số trang/dòng	Giới hạn kích thước
PDF	PDF 1.0 ~ 1.7 trở lên	Tối đa 1500 trang (Một tập tin)	Tối đa 100MB
Word	Tài liệu Kingsoft Writer (*.wps)	Vi máy chiếu WPS không tải các tập tin MS/Word cùng một lúc nên không có giới hạn rõ ràng về số trang và số dòng tập tin.	Tối đa 150MB
	Mẫu Kingsoft Writer (*.wpt)		
	Tài liệu Microsoft Word 97/2000/XP/2003 (*.doc)		
	Mẫu Microsoft Word 97/2000/XP/2003 (*.dot)		
	Tập tin RTF (*.rtf)		
	Tập tin văn bản (*.txt, *.log, *.lrc, *.c, *.cpp, *.h, *.asm, *.s, *.java, *.asp, *.prg, *.bat, *.bas, *.cmd)		
	Tập tin trang web (*.html, *.htm)		
	Tập tin trang web đơn (*.mht, *.mhtml)		
	Tài liệu Microsoft Word 2007/2010 (*.docx)		
	Mẫu Microsoft Word 2007/2010 (*.dotx)		
	Tài liệu hỗ trợ Macro Microsoft Word 2007/2010 (*.docm)		
	Mẫu hỗ trợ Macro Microsoft Word 2007/2010 (*.dotm)		
	Tập tin XML (*.xml)		
	Tài liệu OpenDocument		
Tài liệu Works 6-9 (*.wtf)			
Works 6.0&7.0 (*.wps)			
Excel	Tập tin Kingsoft Spreadsheets (*.et)	Giới hạn giống:tối đa 65.535 Giới hạn cột:tối đa 256 từ:tối đa 200	Tối đa 30MB
	Mẫu Kingsoft Spreadsheets (*.ett)		
	Tập tin Workbook Microsoft Excel 97/2000/XP/2003 (*.xls)		
	Mẫu Microsoft Excel 97/2000/XP/2003 (*.xlt)		
	Tập tin văn bản (*.csv)		
	Trang web (*.htm, *.html)		
	Tập tin XML (*.xml)		
	Tập tin Microsoft Excel 2007/2010 (*.xlsx, *.xlsm)		
	Mẫu Microsoft Excel 2007/2010 (*.xltx)		
Tập tin Workbook nhị phân Microsoft Excel 2007/2010 (*.xlsb)			
PowerPoint	Tập tin Kingsoft Presentation (*.dps)	Tối đa 1500 trang (Một tập tin)	Tối đa 30MB
	Mẫu Kingsoft Presentation (*.dpt)		
	Chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 97/2000/XP/2003 (*.ppt, *.pps)		
	Mẫu chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 97/2000/XP/2003 (*.pot)		
	Chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 2007/2010 (*.pptx, *.ppsx)		
	Mẫu chế độ trình diễn Microsoft PowerPoint 2007/2010 (*.potx)		

Lưu ý:

- Việc giải mã có thể mất một ít thời gian đối với các tập tin lớn có nội dung phức tạp.
- Không thể kích hoạt hoặc xem các đối tượng nhúng trong các tập tin.

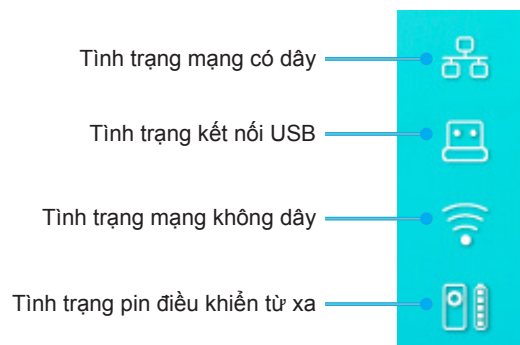
SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

- *Đối với Microsoft Word*
 - Không hỗ trợ cho cài đặt nâng cao, như trình bổ sung bản vẽ hoặc cài đặt phong nền bảng biểu.
 - Nội dung nằm ngoài các viền xác định trong Microsoft Word sẽ không hiển thị.
 - Không hỗ trợ Chữ đậm ở phong chữ tiếng Trung Giản thể
- *Đối với Microsoft PowerPoint*
 - Không hỗ trợ các hiệu ứng bản chiếu.
 - Các bảng tính bảo vệ bằng mật khẩu không được bảo vệ.
 - Ảnh động Powerpoint không hỗ trợ.
- *Đối với Microsoft Excel*
 - Các bảng tính hiển thị riêng lẻ và theo trình tự khi workbook có nhiều bảng tính.
 - Bố cục và đánh số trang có thể được thay đổi trong khi giải mã.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Xem thanh trạng thái

Theo mặc định, Thanh trạng thái trên màn hình chính chứa các biểu tượng cho biết trạng thái kết nối liên quan đến mạng có dây, USB và mạng không dây và trạng thái pin còn lại của điều khiển từ xa (nếu có). Bạn có thể chọn bất kỳ biểu tượng nào để mở menu liên quan, ngoại trừ pin của điều khiển từ xa. Chọn biểu tượng trạng thái có dây hoặc không dây cho phép mở menu cấu hình mạng, trong khi chọn biểu tượng trạng thái USB cho phép mở trình duyệt và hiển thị nội dung của thiết bị USB vừa kết nối.



Giới thiệu về menu Bật nhanh

Trong menu Bật nhanh, bạn có thể tìm thấy các phím tắt dẫn đến các mục menu OSD.



Để truy cập menu Bật nhanh, nhấn và giữ nút “” trên điều khiển từ xa.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Kỹ thuật số (HDMI 1.4)

Thời gian thiết lập	Thời gian chuẩn	Thời gian mô tả	Chế độ video hỗ trợ	Thời gian chi tiết
720 x 400 @ 70Hz	1280 x 720 @ 60Hz	1920 x 1080 @ 60Hz (mặc định)	720 x 480i @ 60Hz 16:9	1920 x 1080p @ 60Hz
640 x 480 @ 60Hz	1280 x 800 @ 60Hz		720 x 480p @ 60Hz 4:3	
640 x 480 @ 67Hz	1280 x 1024 @ 60Hz		720 x 480p @ 60Hz 16:9	
640 x 480 @ 72Hz	1920 x 1200 @ 60Hz (giảm)		720 x 576i @ 50Hz 16:9	
640 x 480 @ 75Hz	1366 x 768 @ 60Hz		720 x 576p @ 50Hz 4:3	
800 x 600 @ 56Hz			720 x 576p @ 50Hz 16:9	
800 x 600 @ 60Hz			1280 x 720p @ 60Hz 16:9	
800 x 600 @ 72Hz			1280 x 720p @ 50Hz 16:9	
800 x 600 @ 75Hz			1920 x 1080i @ 60Hz 16:9	
832 x 624 @ 75Hz			1920 x 1080i @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 60Hz			1920 x 1080p @ 60Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70Hz			1920 x 1080p @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75Hz			1920 x 1080p @ 24Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 24Hz	
1152 x 870 @ 75Hz			3840 x 2160 @ 25Hz	
			3840 x 2160 @ 30Hz	
			4096 x 2160 @ 24Hz	

Kỹ thuật số (HDMI 2.0)

B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
720 x 400 @ 70Hz	1280 x 720 @ 60Hz	720 x 480i @ 60Hz 16:9	1920 x 1080p @ 60Hz
640 x 480 @ 60Hz	1280 x 800 @ 60Hz	720 x 480p @ 60Hz 4:3	
640 x 480 @ 67Hz	1280 x 1024 @ 60Hz	720 x 480p @ 60Hz 16:9	
640 x 480 @ 72Hz	1920 x 1200 @ 60Hz (giảm)	720 x 576i @ 50Hz 16:9	
640 x 480 @ 75Hz	1366 x 768 @ 60Hz	720 x 576p @ 50Hz 4:3	
800 x 600 @ 56Hz		720 x 576p @ 50Hz 16:9	
800 x 600 @ 60Hz		1280 x 720p @ 60Hz 16:9	
800 x 600 @ 72Hz		1280 x 720p @ 50Hz 16:9	
800 x 600 @ 75Hz		1920 x 1080i @ 60Hz 16:9	
832 x 624 @ 75Hz		1920 x 1080i @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 60Hz		1920 x 1080p @ 60Hz 16:9	
1024 x 768 @ 70Hz		1920 x 1080p @ 50Hz 16:9	
1024 x 768 @ 75Hz		1920 x 1080p @ 24Hz 16:9	
1280 x 1024 @ 75Hz		3840 x 2160 @ 24Hz	
1152 x 870 @ 75Hz		3840 x 2160 @ 25Hz	
		3840 x 2160 @ 30Hz	
		3840 x 2160 @ 50Hz	
		3840 x 2160 @ 60Hz	
		4096 x 2160 @ 24Hz	
		4096 x 2160 @ 25Hz	
		4096 x 2160 @ 30Hz	

THÔNG TIN BỔ SUNG

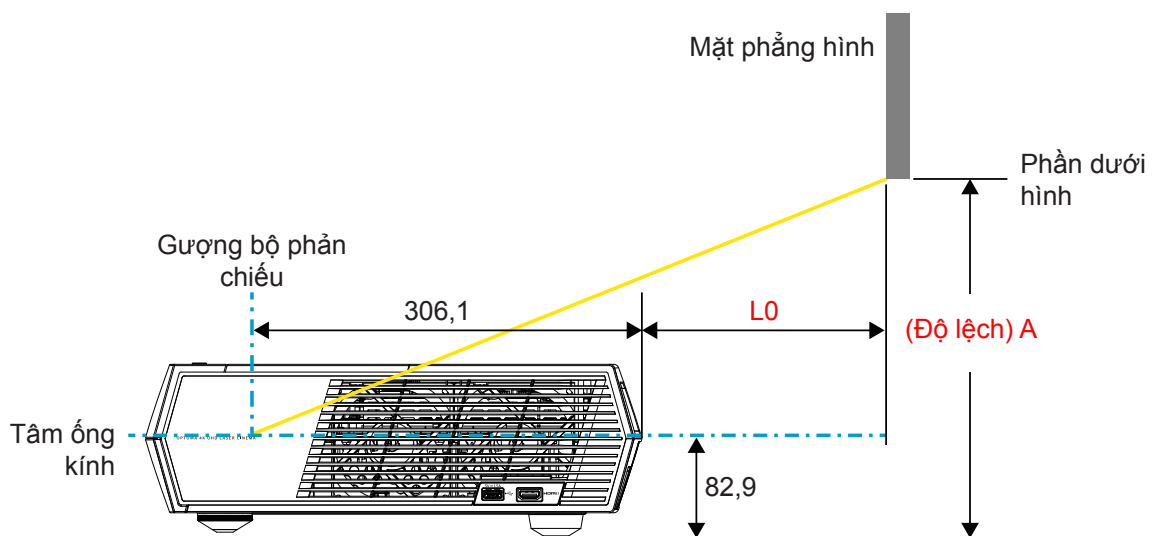
B0/Định giờ cố định	B0/Định giờ chuẩn	B1/Chế độ video	B1/Định giờ chi tiết
		4096 x 2160 @ 50Hz	
		4096 x 2160 @ 60Hz	

Lưu ý: Hỗ trợ 1920 x 1080 ở tần số 50Hz.

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

	Chiều rộng hình (mm)	Chiều cao hình (mm)	Kích thước hình (inch)	L0 (mm)	Độ lệch A (mm) (121.5%)	Độ lệch A (mm) (Chế độ mặc định bảng = 124%)	Độ lệch A (mm) (130%)
Optoma 16:9 TR = Chế độ mặc định 0,254 Độ lệch 124%	1771,0	996,3	80	143,7	297,1	322,0	381,8
	1881,7	1058,5	85	171,9	310,5	336,9	400,5
	1992,4	1120,8	90	200,0	323,9	351,9	419,1
	2103,1	1183,1	95	228,1	337,3	366,8	437,8
	2213,9	1245,4	100	256,2	350,7	381,8	456,5
	2324,5	1307,6	105	284,3	364,0	396,7	475,2
	2656,5	1494,4	120	368,7	404,2	441,6	531,2

	Bộ phận chiếu lên màn hình (mm)	Chiều cao hình có độ lệch 121,5% (mm)	Chiều cao hình có độ lệch 124% (mm)	Chiều cao hình có độ lệch 130% (mm)
Optoma 16:9 TR = Chế độ mặc định 0,254 Độ lệch 124%	449,8	1210,5	1235,4	1295,1
	478,0	1286,1	1312,6	1376,1
	506,1	1361,8	1389,8	1457,0
	534,2	1437,4	1467,0	1538,0
	562,3	1513,2	1544,3	1619,0
	590,4	1588,7	1621,4	1699,9
	674,8	1815,7	1853,0	1942,7



Lưu ý:

- Độ lệch dọc có thể khác nhau giữa các máy chiếu, do những hạn chế từ quy trình sản xuất quang học. Các điều chỉnh bổ sung có thể xảy ra khi chuyển đổi máy chiếu.
- Dung sai độ lệch là 124% +6%/-2,5%.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Điều khiển từ xa



Lưu ý:










- Các chức năng được mô tả trong bảng sau sẽ được thực hiện sau khi nhấn nhanh nút cụ thể trên điều khiển từ xa trừ khi được chỉ định khác.
- Nếu điều khiển từ xa được ghép nối thành công, tên mặc định của điều khiển từ xa trên menu thiết bị Bluetooth là "OptomaRemote".

Chức năng	Tín hiệu Bluetooth		Mô tả			
	Trang sử dụng	Mã sử dụng	Chờ	Chế độ chiếu	Chế độ loa	
	Mã HID	Mã HID				
Bật nguồn/ Chế độ chờ		0x07	0x66	Nhấn "" để bật máy chiếu ở Chế độ chiếu. Tham khảo phần "Bật/tắt nguồn máy chiếu" ở trang 18-21.	Nhấn "" để bật lên menu lựa chọn để chuyển đổi giữa chế độ Loa Bluetooth và Chế độ chờ. Nhấn nút "" hai lần để thoát Chế độ chờ.	Nhấn "" để vào Chế độ chờ.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chức năng	Tín hiệu Bluetooth		Mô tả			
	Trang sử dụng	Mã sử dụng	Chờ	Chế độ chiếu	Chế độ loa	
	Mã HID	Mã HID				
Chế độ loa đang Bật	●	0x0C	0x49	<p>Nhấn “●” để bật loa Bluetooth. Phải mất đến 3 phút để tự động ghép nối với thiết bị Bluetooth. Nếu ghép nối không thành công, máy chiếu sẽ chuyển sang Chế độ chờ.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chỉ hỗ trợ ở Chế độ chờ nguồn điện: Chế độ ngòi nhà thông minh. Máy chiếu ghi nhớ đến 10 thiết bị Bluetooth. Khi thiết bị Bluetooth được ghép nối, bạn sẽ nghe thấy tín hiệu phát ra. 	Nhấn “●” để bật lên và chuyển sang thông báo xác nhận Chế độ loa.	Không có
Menu OSD Máy chiếu/ Menu Bật nhanh	≡	0x07	0x76	Không có	Nhấn “≡” để bật menu hiển thị trên màn hình (OSD).	Không có
Lưu ý: Đối với menu Bật nhanh, Mã HID Trang sử dụng là 0x0C và Mã HID ID sử dụng là 0x76.						
Up		0x07	0x52	Không có	Nhấn bốn nút định hướng để chọn các mục hoặc thực hiện các điều chỉnh cho lựa chọn của bạn.	Không có
Left		0x07	0x50			
Right		0x07	0x4F			
Down		0x07	0x51			
OK		0x07	0x58	Không có	Nhấn nút “OK” để xác nhận lựa chọn mục của bạn.	Không có
Trở về	↶	0x0C	0x224	Không có	Nhấn nút “↶” để trở về màn hình trước.	Không có
Màn hình chính	⏪ ⏩	0x0C	0x223	Không có	Nhấn nút “⏪ ⏩” để trở về màn hình chính.	Không có
Lưu ý: Nhấn giữ “⏪ ⏩” để bật/tắt Chuột không dây.						
Lưu ý: Bật/tắt con trỏ Chuột không dây được thực hiện bởi điều khiển từ xa, xác nhận trạng thái chỉ 0x0c 0x51 và 0x0C 0x53 với smays chiếu.						Không có

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chức năng	Tín hiệu Bluetooth		Mô tả			
	Trang sử dụng	Mã sử dụng	Chờ	Chế độ chiếu	Chế độ loa	
	Mã HID	Mã HID				
Tùy chọn Android/ Lấy nét		0x07	0x73	Nhấn nút "  " để mở ứng dụng bên thứ 3 > tùy chọn ứng dụng hoặc chọn biểu tượng ứng dụng để gỡ cài đặt/cài đặt ứng dụng đó. Lưu ý: Nhấn giữ "  " để điều chỉnh lấy nét.	Không có	Không có
Lưu ý: Đối với việc điều chỉnh lấy nét, Mã HID Trang sử dụng là 0x0C và Mã HID ID sử dụng là 0x52.						Không có
Âm lượng -		0x0C	0xEA	Nhấn nút "  " để giảm âm lượng. Lưu ý: Nhấn "  " nhiều lần nếu cần.		Không có
Âm lượng +		0x0C	0xE9	Nhấn nút "  " để tăng âm lượng. Lưu ý: Nhấn "  " nhiều lần nếu cần.		Không có

THÔNG TIN BỔ SUNG

Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.

Các sự cố về hình ảnh

- ?** *Không có hình ảnh trên màn hình*

 - Đảm bảo mọi loại cáp và kết nối nguồn điện đều được cắm đúng cách và chắc chắn như được mô tả ở trang 15.
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.

- ?** *Hình ảnh lệch tiêu điểm*

 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. Tham khảo trang 55).
 - Sử dụng điều khiển từ xa để điều chỉnh lấy nét. Tham khảo trang 34.

- ?** *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*

 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16: 9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng cài đặt định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

- ?** *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "≡" trên điều khiển từ xa, vào "menu OSD → Display (Hiển thị) → Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình)". Thử dùng các cài đặt khác.
 - Nhấn "≡" trên điều khiển từ xa, vào "menu OSD → Display (Hiển thị) → Geometric Correction (Hiệu chỉnh hình học) → Warp Calibration (Hiệu chỉnh sợi dọc)". Thử dùng các cài đặt khác.

- ?** *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.

- ?** *Hình ảnh bị đảo ngược*

 - Chọn "menu OSD → Setup (Cài đặt) → Projection Mode (Chế độ chiếu)" và điều chỉnh hướng chiếu.

- ?** *Không âm thanh*

 - Hãy tham khảo định dạng tập tin âm thanh hỗ trợ ở trang 48.
 - Đảm bảo chưa bật tính năng "Chặn AV".
 - Đảm bảo đã bật tính năng "Loa trong". Tham khảo trang 34.

THÔNG TIN BỔ SUNG

- [?]** *Không có âm thanh từ nguồn HDMI ARC*

 - Chọn “menu OSD → Audio (Âm thanh) → Digital Output (Đầu ra KTS) → Bitstream/ PCM/ Auto (Tự động)”. Thử dùng các cài đặt khác.
- [?]** *Hình ảnh HDMI bất thường*

 - Chọn “menu OSD → Display (Hiển thị) → EDID HDMI 1/ EDID HDMI 2/ EDID HDMI 3” sang “1.4” hoặc “2.2”.
- [?]** *Hình ảnh kép, mờ*

 - Đảm bảo “menu OSD → 3D → 3D Tech. (Công nghệ 3D)” chưa bật để hình hiện tượng hình 2D bình thường trông như hai hình bị mờ.
- [?]** *Hai hình ảnh, định dạng bên cạnh*

 - Chọn “menu OSD → 3D → “3D Format (Định dạng 3D)” sang “SBS (Bên cạnh)”.

Các sự cố khác

- [?]** *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*

 - Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

- [?]** *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*

 - Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ sang bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
 - Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu.
 - Đảm bảo chỉ sử dụng điều khiển từ xa ở phía trước máy chiếu.
 - Cố gắng sử dụng điều khiển từ xa bằng cách chĩa nó vào hình chiếu.
 - Hãy sạc pin nếu pin đã cạn kiệt.
 - Đảm bảo điều khiển từ xa được ghép nối thành công với máy chiếu. Sau khi kết nối thành công, khi nhấn nút, đèn LED trên điều khiển từ xa sẽ sáng một màu xanh lam.

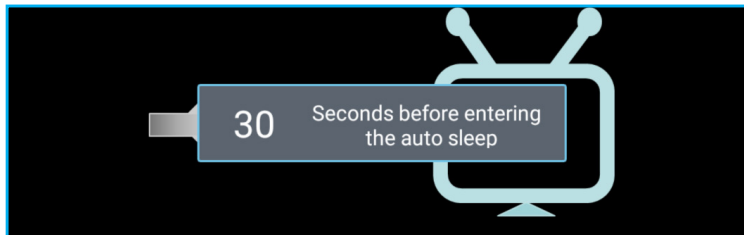
THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông báo sáng đèn LED

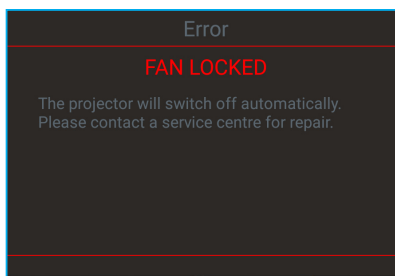
Tin nhắn	Đèn LED NGUỒN		Đèn LED Bluetooth	Đèn LED nhiệt độ	Đèn LED bóng đèn
	(Đỏ)	(Trắng)	(Trắng)	(Đỏ)	(Đỏ)
Chế độ chờ (Tiết kiệm), chưa kết nối Bluetooth	Sáng ổn định	Không có	Không có	Không có	Không có
Chế độ chờ (Ngôi nhà thông minh), chưa kết nối Bluetooth	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 2 giây)	Không có	Không có	Không có	Không có
Nguồn bật (Làm nóng)	Không có	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây)	Không có	Không có	Không có
Bật nguồn (Thao tác chuẩn)	Không có	Sáng ổn định	Không có	Không có	Không có
Nguồn tắt (Làm nguội)	Không có	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về Ánh sáng đỏ ổn định khi tắt quạt làm nguội	Không có	Không có	Không có
Ghép nối Bluetooth (Chế độ Loa Bluetooth)	Không có	Không có	Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về Chế độ chờ khi không được ghép nối trong 3 phút.	Không có	Không có
Đã ghép nối Bluetooth (Chế độ Loa Bluetooth)	Không có	Không có	Sáng ổn định	Không có	Không có
Lỗi (Đèn bị hỏng)	Nhấp nháy	Không có	Không có	Không có	Ổn định
Lỗi (Quạt bị hỏng)	Nhấp nháy	Không có	Không có	Nhấp nháy	Không có
Lỗi (Quá nhiệt)	Nhấp nháy	Không có	Không có	Sáng ổn định	Không có
Trạng thái chờ (Chế độ thử nóng)	Không có	Nhấp nháy	Không có	Không có	Không có
Thử nóng (Làm nóng)	Không có	Nhấp nháy	Không có	Không có	Không có
Thử nóng (Để nguội)	Không có	Nhấp nháy	Không có	Không có	Không có
Thử nóng (Bật sáng đèn)	Không có	Nhấp nháy (3 giây bật/1 giây tắt)	Không có	Không có	Không có
Thử nóng (Đèn tắt)	Không có	Nhấp nháy (1 giây bật/3 giây tắt)	Không có	Không có	Không có

THÔNG TIN BỔ SUNG

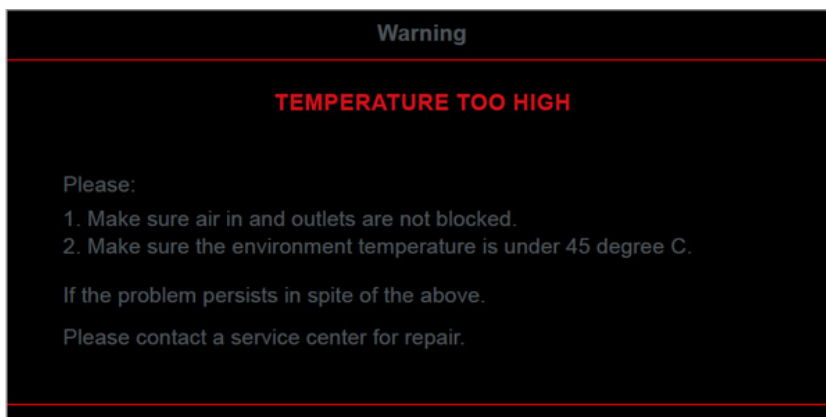
- Tắt nguồn:



- Quạt hỏng:



- Cảnh báo nhiệt độ:



THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

Quang học	Mô tả
Độ phân giải tối đa	- Ảnh lên đến 2160p @ 60Hz - Độ phân giải tối đa: HDMI1 (2.0b): 2160p @ 60Hz HDMI2 (2.0b): 2160p @ 60Hz HDMI3 (2.0b): 2160p @ 60Hz
Thấu kính	Ống kính cố định
Cỡ hình (chéo)	85 inch ~ 105 inch
Khoảng cách chiếu	- 0,17m ở mức 85 inch - 0,28m ở mức 105 inch

Nguồn điện	Mô tả
Đầu vào	- 3 cổng HDMI V2.0 Lưu ý: Cổng HDMI 1 (ARC) hỗ trợ PCM 2 kênh, Dolby Digital, Dolby Digital Plus, Dolby Digital Plus With Atmos. - Cổng USB2.0 ở phía sau - Cổng USB2.0 ở phía sau (chỉ dùng để bảo trì) - Cổng USB2.0 ở bên phải (hỗ trợ nguồn điện 5V---1,5A) - Cổng RJ-45 (IoT, hỗ trợ internet và cá chức năng OTA)
Đầu ra	- Đầu ra điện thoại (3,5mm) - Đầu ra SPDIF (PCM 2 kênh, Dolby Digital)
Thanh nhớ	- eMMC:16GB (1x128Gb) - DDR: Hỗ trợ thanh nhớ tối đa 2GB và thanh nhớ DDR848 1GB được lắp đặt sẵn trên máy
Tái tạo màu	1073,4 triệu màu
Tốc độ quét	- Tốc độ quét ngang: 31 ~ 135KHz - Tốc độ quét dọc: 24 ~ 120Hz
Các loa tích hợp	2 loa 19W
Yêu cầu nguồn điện	100 - 240V ±10%, AC 50/60Hz
Tiêu thụ điện năng	- Chế độ chờ: < 0,5W - Chế độ chờ mạng (không bao gồm cổng Ethernet): < 2,0W - Chế độ chờ mạng (WLAN): < 8,0W - Chế độ ngôi nhà thông minh: (>0,5W; <8W)
Dòng điện vào	4A

Cơ học	Mô tả
Hướng lắp đặt	Phía trước và Phía sau
Kích thước(Rộng x Dày x Cao)	- 576 x 383 x 114,7mm (không đế) - 576 x 383 x 129,7mm (có đế)
Trọng lượng	11 kg
Điều kiện môi trường	Hoạt động với nhiệt độ từ 5 ~ 40°C và độ ẩm 10 - 85% (không ngưng tụ)

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.




Hoa Kỳ

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Canada

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com

Châu Mỹ Latin

47697 Westinghouse Drive,
Fremont, CA 94539, USA
www.optomausa.com

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com



Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills,
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com




Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052


Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr




Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32




Đức

Wiesenstrasse 21 W
D40549 Düsseldorf,
Germany

 +49 (0) 211 506 6670
 +49 (0) 211 506 66799
 info@optoma.de

Scandinavia



Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway


Hàn Quốc

WOOMI TECH.CO.,LTD.
4F, Minu Bldg.33-14, Kangnam-Ku,
Seoul,135-815, KOREA
korea.optoma.com

 +82+2+34430004
 +82+2+34430005




Nhật Bản

東京都足立区綾瀬3-25-18
株式会社オーエス
コンタクトセンター:0120-380-495

 info@os-worldwide.com
www.os-worldwide.com



Đài Loan

12F., No.213, Sec. 3, Beixin Rd.,
Xindian Dist., New Taipei City 231,
Taiwan, R.O.C.
www.optoma.com.tw

 +886-2-8911-8600
 +886-2-8911-6550
 services@optoma.com.tw
asia.optoma.com



Hồng Kông

Unit A, 27/F Dragon Centre,
79 Wing Hong Street,
Cheung Sha Wan,
Kowloon, Hong Kong

 +852-2396-8968
 +852-2370-1222
www.optoma.com.hk

Trung Quốc

5F, No. 1205, Kaixuan Rd.,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

